

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**HỒ SƠ ĐỀ ÁN
MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

CHUYÊN NGÀNH : QUAN HỆ QUỐC TẾ

MÃ SỐ : 93.10.206

BẠC ĐÀO TẠO : TIẾN SĨ

ĐÀ NẴNG – 2020

MỤC LỤC

TỜ TRÌNH	5
ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ.....	5
PHẦN 1.....	8
SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	8
I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ĐẠI HỌC DUY TÂN	8
1.1. Chức năng, nhiệm vụ	8
1.2. Hệ thống tổ chức đào tạo	9
1.3. Các công tác khác	11
1.4. Nghiên cứu khoa học	12
1.5. Các giải pháp quản lý chất lượng đào tạo.....	12
II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ.....	13
III. GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN SẼ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ.....	16
1. Giới thiệu về Khoa Sau Đại học	16
2. Giới thiệu đôi nét về Khoa KHXH&NV	16
IV. LÝ DO ĐỀ NGHỊ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ	18
PHẦN 2.....	21
NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	21
I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO.....	21
1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo	21
1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo.....	21
1.3. Số khóa và số sinh viên của ngành Quan hệ Quốc tế đã tốt nghiệp trình độ cử nhân.....	21
II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ CƠ HỮU	23

2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong CTĐT ngành đăng ký đào tạo trình độ Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế	24
2.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo chuyên ngành Quan hệ Quốc tế trình độ Tiến sĩ (Sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống: đúng ngành, gần ngành, khác ngành)	27
2.3. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo.....	33
III. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO	34
3.1. Phòng học, giảng đường	34
3.2. Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo.....	36
3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo.....	41
IV. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	55
4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Tiến sĩ Quan hệ quốc tế	55
4.2. Các hướng nghiên cứu đề tài Luận án, dự kiến người hướng dẫn kèm theo và số lượng Nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận.....	58
4.3. Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu thuộc ngành Tiến sĩ Quan hệ quốc tế	62
V. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	98
1. Công tác đối ngoại, xây dựng quan hệ quốc tế.....	98
2. Tổ chức nhiều đợt tham quan, học tập ở các trường đại học nước ngoài.....	98
3. Tổ chức đón tiếp những tổ chức giáo dục quốc tế đến thăm	99
4. Các dự án hợp tác quốc tế đã thực hiện	99
5. Các dự án hợp tác quốc tế hiện đang triển khai.....	101
PHẦN 3	103
CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	103
I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	103
1.1. Tên ngành đăng kí đào tạo:Quan hệ quốc tế	103
1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo.....	103

1.3. Tóm tắt về chương trình đào tạo.....	104
II. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO	107
2.1. Kế hoạch tuyển sinh.....	107
2.2. Kế hoạch đào tạo	109
2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo.....	115

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH
ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Quan hệ Quốc tế

Mã số: 931.02.06

Kính gửi: - **Bộ Giáo dục & Đào tạo**

Đồng kính gửi - **Vụ Giáo dục Đại học**

Trường Đại học Duy Tân được thành lập theo Quyết định số 666/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ; sau 26 năm xây dựng và phát triển, đến nay Trường đã có 19 Khoa, tổ chức đào tạo 29 chuyên ngành thuộc các loại hình chính quy, liên thông, đại học bằng 2 và đã có gần 20.000 sinh viên ra trường, đóng góp vào việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho các tỉnh miền Trung nói riêng. Từ năm 2009 đến nay Trường Đại học Duy Tân đã được Chính phủ và Bộ Giáo dục & Đào tạo cho phép đào tạo Thạc sĩ các chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Khoa học máy tính, Kế toán và Kỹ thuật Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp, Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế và đào tạo Tiến sĩ 2 chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Khoa học máy tính.

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn (KHXH&NV) - Trường Đại học Duy Tân được thành lập từ năm 2007 đến nay. Trải qua gần 13 năm phát triển, với sứ mệnh “*Đào tạo gắn liền với nghiên cứu trên nền nhân văn hiện đại*”, Khoa KHXH & NV luôn chú trọng giáo dục nhân bản, tăng khả năng thích ứng và tôn trọng sự khác biệt để thành công trong môi trường đa dạng toàn cầu. Đây còn là nơi mà những giá trị và khát vọng của sinh viên được công nhận, tỏa sáng.

Trong những năm qua Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn đã có bước phát triển mạnh mẽ. Từ ba ngành Quan hệ quốc tế, Việt Nam học, Văn học, đến nay khoa đã có 4 ngành đào tạo, với các chuyên ngành Quan hệ Quốc tế, Văn hóa Du lịch, Văn Báo chí, Truyền thông đa phương tiện và phân môn Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Khoa đã đào tạo được 6 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường với hơn 1.500 cử nhân khoa học. Bên cạnh đó, kể từ năm 2017, Khoa bắt đầu chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế và đến nay đã tuyển sinh được 2 khóa.

Song song với quá trình đổi mới phương thức đào tạo qua các năm, khoa KHXH&NV luôn chấp hành tốt mọi quy định, quy chế đào tạo sau đại học của Bộ Giáo dục và đào tạo và đơn vị chủ quản là trường Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn. Điều đó giúp cho khoa KHXH & NV tích lũy được những kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học, luôn đổi mới tài liệu và phương pháp học tập, giảng dạy. Đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu của khoa ngày càng chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và có nhiều công trình khoa học có chất lượng được công bố trong và ngoài nước.

Hơn một thập niên đầu thế kỷ XXI đã trôi qua, thế giới vẫn có những thay đổi không ngừng. Việt Nam đã và đang tiếp tục xu thế hội nhập sâu rộng vào đời sống quốc tế. Điều đó đặt ra một nhu cầu cần thiết về đào tạo đội ngũ nhân lực có trình độ tiến sĩ Quan hệ Quốc tế với đầy đủ khả năng tư duy, dự báo chiến lược, tổng hợp và phân tích, có năng lực chuyên môn và ngoại ngữ nhằm phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách cho các cơ quan nhà nước, nghiên cứu giảng dạy tại các trường đại học, làm việc tại các tổ chức quốc tế và các công ty ở Việt Nam. Đồng thời, chuyên ngành Quan hệ Quốc tế ở trình độ Đại học đang được nhiều cơ sở giáo dục triển khai, do đó lực lượng giảng viên có trình độ Tiến sĩ ngày càng thiếu.

Đa số các chuyên gia của Việt Nam trên lĩnh vực Quan hệ quốc tế đều được đào tạo sau đại học ở nước ngoài, trong đó chủ yếu là từ các nước phát triển như Mỹ, Anh, Úc. Chất lượng đào tạo tại các cơ sở có uy tín trên thế giới là tốt. Tuy nhiên, hệ thống kiến thức và lý luận của các cán bộ này khi về Việt Nam vẫn cần phải được bổ sung và cập nhật cho phù hợp với thực tiễn trình độ phát triển và hệ thống Chính trị - Xã hội của nước ta.

Mặt khác, các nguồn học bổng từ ngân sách nhà nước và từ các nguồn bên ngoài dành cho đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành quan hệ quốc tế không thể đáp ứng được nhu cầu học tập của xã hội cũng như nhu cầu nhân lực của các cơ quan trong và ngoài Chính phủ, trong khi chi phí tự túc du học Tiến sĩ rất cao. Do vậy, việc xây dựng và triển khai một chương trình đào tạo Tiến sĩ trong nước giúp giảm thiểu chi phí cho học viên và cho phép nhiều người có thể theo học/nghiên cứu là cần thiết.

Cho đến nay ở Việt Nam, ngoài Học viện Ngoại giao (trực thuộc Bộ Ngoại giao), trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã mở chương trình đào tạo tiến sĩ Quan hệ Quốc tế thì không có nhiều cơ sở đủ điều kiện đào tạo trình độ này, đặc biệt là ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Xuất phát từ nhu cầu thực tế, xét về tổng quan, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn nhận thấy có đầy đủ điều kiện về vật chất, nhân lực, khoa học, sư phạm và khả năng hợp tác trong cũng như ngoài nước để tiến hành đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế.

- Về quá trình đào tạo: Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn của Trường đã thành lập 13 năm và đã đào tạo Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế từ năm 2017 - đến nay.

- Về đội ngũ giảng viên, chương trình khung đào tạo Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế: Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận trên 70% khối lượng của chương trình đào tạo (kèm theo danh sách giảng viên cơ hữu đúng chuyên ngành Quan hệ Quốc tế).

- Cơ sở vật chất và phương tiện giảng dạy, nghiên cứu: đủ phòng học, thư viện, phòng thực hành... phục vụ cho đào tạo.

Về cơ bản, công tác chuẩn bị đã đáp ứng yêu cầu cho công tác đào tạo bậc Tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế.

Nay Trường Đại học Duy Tân kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Vụ liên quan xem xét và cho ý kiến để Trường được phép đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ Quốc tế (Kèm theo Đề án)

Trân trọng kính trình.

Nơi nhân:

- *Như trên.*
- *Lưu*

HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Nguyên Bảo

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ĐẠI HỌC DUY TÂN

1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Đại học Duy Tân được thành lập theo Quyết định số 666/TTg ngày 11 tháng 11 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở đào tạo đại học chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Trường Đại học Duy Tân tổ chức và hoạt động theo luật pháp và theo Điều lệ của Trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Sau khi thành lập, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có các văn bản sau đây cho phép Trường mở các ngành học:

- Công văn số 4596/KHTC ngày 5/7/1995 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường đào tạo các ngành: Tin học, Quản trị kinh doanh (trong đó có Kế toán), Tiếng nước ngoài, Kinh tế du lịch.

- Công văn số 3100/QĐ-BGD&ĐT/ĐH ngày 16/9/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Kỹ thuật công trình xây dựng.

- Công văn số 5936/QĐ-BGD&ĐT/ĐH ngày 27/12/1999 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Kế toán.

- Công văn số 5888/QĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 28/11/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng.

- Công văn số 234/QĐ-BGD&ĐT/ĐH ngày 2/2/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Kiến trúc.

- Công văn số 4332/QĐ-BGD&ĐT/ĐH ngày 11/8/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường được đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật công trình xây dựng.

- Quyết định số 83/TTg ngày 16/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Sau đại học

- Quyết định số 469/QĐ –BGDDT ngày 21/1/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Quyết định số 2395/QĐ –BGDDT ngày 14/ 4/ 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Thạc sĩ Khoa học máy tính

- Quyết định số 459/QĐ –BGDDĐT ngày 25/1/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Thạc sĩ Kế Toán.

- Quyết định số 1589/QĐ –BGDDĐT ngày 07/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

- Quyết định số 2472/QĐ –BGDDĐT ngày 05/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Khoa học máy tính.

1.2. Hệ thống tổ chức đào tạo

1.2.1. Hệ thống các Khoa đào tạo

Trường hiện có 19 Khoa:

- Khoa Sau đại học
- Khoa Kế toán
- Khoa Quản trị kinh doanh
- Khoa Du lịch
- Khoa Đào tạo quốc tế
- Khoa Xây dựng
- Khoa Kiến trúc
- Khoa Công nghệ thông tin
- Khoa Điện tử - Viễn thông
- Khoa Ngoại ngữ
- Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn
- Khoa Lý luận Chính trị
- Khoa Khoa học Tự nhiên
- Khoa Công nghệ môi trường
- Khoa Y
- Khoa Dược
- Khoa Điều Dưỡng
- Khoa Luật
- Khoa Cao đẳng nghề

Trường đã và đang đào tạo 29 chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp, Kế toán kiểm toán, Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị kinh doanh Marketing, Tài chính

doanh nghiệp, Ngân hàng, Quản trị Du lịch & Khách sạn, Quản trị Du lịch lữ hành, Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp, Xây dựng cầu đường, Kiến trúc công trình, Kỹ thuật mạng, Công nghệ phần mềm, Tin học viễn thông, Hệ thống nhúng, Hệ thống thông tin, Toán tài chính, Kỹ thuật (& Quản lý) môi trường, Anh văn du lịch, Anh văn Biên – Phiên dịch, Trung ngữ Thương mại, Văn học, Việt Nam học, Quan hệ quốc tế, Truyền thông đa phương tiện, Luật Kinh tế...

1.2.2 Các Phòng, Ban, Trung tâm

a. Các Phòng: 10 Phòng

- Phòng Đào tạo
- Phòng Khoa học Công nghệ
- Phòng Phục vụ học đường
- Phòng Thanh tra pháp chế
- Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên
- Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Phòng Tổ chức
- Văn phòng Trường
- Thư viện
- Phòng Truyền thông

b. Viện nghiên cứu: 04 Viện

Viện nghiên cứu & Phát triển công nghệ cao có 7 trung tâm nghiên cứu trực thuộc:

- Trung tâm Khoa học Vật liệu
- Trung tâm nghiên cứu Xây dựng, cơ học và vật liệu
- Trung tâm Sinh học Phân tử
- Trung tâm tính toán và xử lý số liệu
- Trung tâm Công nghệ môi trường
- Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông
- Trung tâm triển khai ứng dụng

Viện nghiên cứu Kinh tế - Xã hội

Viện nghiên cứu và ứng dụng Y – Sinh – Dược

Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch

c. Các Trung tâm: 20 Trung tâm

- Trung tâm Giáo dục Thể chất và Quốc phòng
- Trung tâm Ngoại ngữ Olympia
- Trung tâm Tin học Duy Tân
- Trung tâm Trung cấp chuyên nghiệp & Dạy nghề
- Trung tâm Điện – Điện tử (CEE)
- Trung tâm Công nghệ phần mềm (CSE)
- Trung tâm Công nghệ thông tin (CIT)
- Trung tâm Đào tạo NIIT
- Trung tâm Đào tạo ACCA
- Trung tâm Đào tạo bằng 2
- Trung tâm eUniversity
- Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Du lịch – Khách sạn Touria
- Trung tâm Thực hành
- Trung tâm Thí nghiệm
- Trung tâm Tuyển sinh
- Trung tâm Truyền thông
- Trung tâm Nghiên cứu thị trường
- Trung tâm Xúc tiến việc làm và Hỗ trợ sinh viên
- Trung tâm Đảm bảo chất lượng
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học công nghệ

d. Các Ban: 01 Ban

- Ban Đào tạo Từ xa & Thường xuyên

e. Tạp chí Trường Đại học Duy Tân: 01

- Văn phòng Tạp chí Khoa học & Công nghệ

1.3. Các công tác khác

a. Công tác dịch thuật: nhằm hiện đại hóa giáo trình

- Tổ chức dịch thuật tại Trung tâm gần 40 sách nước ngoài và tài liệu phục vụ đào tạo bao gồm nhiều lĩnh vực, từ phương pháp tư duy có phê phán, cho đến các tài liệu chuyên ngành, đặc biệt là để phục vụ Khoa Quản trị Kinh doanh, Khoa Kế toán, Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Du lịch.

- Tổ chức giao tài liệu và ký kết hợp đồng dịch thuật với các giảng viên trong trường, để nâng cao trình độ tiếng Anh của giảng viên và để giảng viên tiếp cận với các giáo trình hiện đại.

b. Công tác xây dựng cơ sở vật chất

- Khu 5A Quang Trung, Đà Nẵng với thư viện hiện đại, các phòng lab và 50 phòng tiện nghi dành để tiếp nhận sinh viên, giảng viên nước ngoài đến học và dạy. Hiện nay, Trường có 77 phòng học và giảng đường, 32 phòng thực hành, 3 thư viện, 1 Hội trường 350 chỗ ngồi và 77 phòng làm việc.

- Khu 3.5 ha tại phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng với các phòng học, ký túc xá, sân thể thao và mở rộng phòng thí nghiệm hiện có.

c. Công tác đào tạo tiếng Anh

- Tổ chức thao giảng tiếng Anh hàng tuần đều đặn trong 4 năm học vừa qua, với sự tham gia của hơn 320 lượt giảng viên. Mục tiêu là tạo điều kiện và môi trường để các giảng viên có thể trình bày chuyên môn của mình bằng tiếng Anh.

- Tổ chức định kỳ các kỳ thi kiểm tra tiếng Anh (TOEIC) cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường.

1.4. Nghiên cứu khoa học

Hội đồng Quản trị, Ban giám hiệu và các Khoa đã có sự quan tâm, coi trọng công tác nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên, xem nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng tâm của trường đại học.

Trường đã thực hiện hơn 400 đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, 21 giáo trình xuất bản toàn quốc và 8 đề tài cấp Bộ, tỉnh, 90 giáo trình nội bộ, 700 bài báo đăng tạp chí trong nước và 602 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI và nhiều bài báo khác trong các kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế. Trong các đề tài nghiên cứu cấp trường, có một số đề tài vừa có tính lý thuyết vừa có tính thực tiễn trong nhiều chuyên ngành.

1.5. Các giải pháp quản lý chất lượng đào tạo

Với sự phát triển nhanh về số lượng sinh viên theo học các hệ và loại hình đào tạo, Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu và các Khoa, Phòng ban đã coi trọng việc nâng cao chất lượng dạy và học:

- Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật những kiến thức mới của các môn học thông qua việc tham khảo các giáo trình, tài liệu trong và ngoài nước. Chú trọng

đào tạo các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người học, gắn lý thuyết với thực hành, đảm bảo 30 - 40% thời gian cho việc làm bài tập, thảo luận, đi thực tế.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hệ thống tín chỉ, giảng viên đến lớp phải có đầy đủ bài giảng và bài tập thực hành gửi cho sinh viên, dành thời gian quy định để sinh viên trao đổi, đặt câu hỏi về những vấn đề liên quan đến môn học. Ngoài ra, cần trình bày nội dung môn học trên các slide và thực hiện công tác tư vấn học tập.

- Coi trọng khâu kiểm tra và đánh giá trong thi cử. Trường thực hiện tách 3 công đoạn: Giảng dạy tại lớp – Ra đề thi – Chấm thi thành 3 công đoạn độc lập. Các bài thi được rọc phách để ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong thi cử .

- Tiếp tục đẩy mạnh việc dạy học với việc sử dụng các công cụ và thiết bị tiên tiến; đẩy mạnh công tác soạn và viết giáo trình, bài giảng, nghiên cứu khoa học có địa chỉ ứng dụng, tiến đến biên soạn các giáo trình và bài giảng điện tử và phổ cập trên trang Web của trường.

- Đội ngũ giảng viên luôn nhận được sự quan tâm đầu tư của Trường, các giảng viên của Trường được tạo điều kiện theo học các lớp Cao học, Nghiên cứu sinh đồng thời Trường có chính sách riêng nhằm thu hút cán bộ, giảng viên, các nhà khoa học về làm việc tại trường.

Tính đến thời điểm ngày 04/10/2017, Trường có 758 giảng viên cơ hữu và giảng viên theo hợp đồng dài hạn, trong đó có 7 Giáo sư, 40 Phó Giáo sư, 101 Tiến sĩ, 416 Thạc sĩ, và hơn 200 giảng viên thỉnh giảng đến từ các trường đại học Đà Nẵng, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và cả ở nước ngoài. Nhờ vậy, đội ngũ giảng dạy ở Trường ngày có cơ cấu hợp lý và đạt chất lượng cao do thường xuyên có được các Giáo sư, Tiến sĩ đầu ngành tham gia giảng dạy.

Tính đến năm 2020, Trường có hơn 1000 giảng viên cơ hữu với cơ cấu trình độ là 25% GS, PGS; 30% TS; 45% ThS, đảm bảo công tác đào tạo cho quy mô 20.000 sinh viên chính quy tập trung cũng như của các hệ, bậc đào tạo khác.

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) đã nhấn mạnh: “Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại” và “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”. Triển khai đồng bộ, toàn diện hoạt động đối ngoại, hay nói cách khác, xây dựng nền đối ngoại toàn diện, nhằm tạo ra nhận thức và đồng

thuận lớn hơn trong Đảng, trong nhân dân về tính chất mới của sự nghiệp đối ngoại cũng như nêu rõ hơn yêu cầu tham gia tích cực và chủ động hơn của mọi lực lượng trong hoạt động đối ngoại. Để đạt được mục tiêu này, việc đào tạo nguồn nhân lực vững vàng về chính trị, có trình độ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt là yếu tố tiên quyết. Trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, quan hệ đối ngoại của nước ta đang mở rộng nhanh chóng ở cả lĩnh vực hoạt động lẫn đối tác nên không chỉ riêng cán bộ chuyên trách làm công tác đối ngoại mà mọi ngành, mọi cấp, mọi địa phương, mọi doanh nghiệp, thậm chí một bộ phận không nhỏ nhân dân cũng có nhu cầu được tìm hiểu và hoạt động trong lĩnh vực Quan hệ Quốc tế ở những mức độ khác nhau. Từ đó, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực về đối ngoại theo nghĩa rộng càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Đề “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế”, ngày 10 tháng 4 năm 2013, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế, trong đó có quan điểm chỉ đạo là: Hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa nội lực; gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, nâng cao sức mạng tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia; gắn kết chặt chẽ với việc tăng cường mức độ liên kết giữa các vùng, miền, khu vực trong nước. Và Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW cũng nhấn mạnh: Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực hội nhập quốc tế cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành.

Việc mở ngành đào tạo Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế đã được xác định trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Duy Tân và đã được Hội đồng trường quyết nghị thông qua.

Hiện nay, nhiệm vụ nghiên cứu, giảng dạy về đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam đòi hỏi phải đào tạo một đội ngũ cán bộ hết sức đông đảo có trình độ cao về Quan hệ Quốc tế. Việc khảo sát về nhu cầu đào tạo Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế trong các ban ngành, đoàn thể thuộc hệ thống chính trị; trong các Trường Đại học, Viện nghiên cứu; các doanh nghiệp và ngay trong hệ thống của Trường Đại học Duy Tân đã cho kết quả cụ thể như sau:

STT	Cơ quan	Nhu cầu đào tạo cán bộ trình độ Tiến sĩ Quan hệ quốc tế (Đơn vị tính: người/năm)						
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	03	03	04	04	05	05	07
2	Học viện Chính trị khu vực I	02	02	02	02	02	02	02
3	Học viện Chính trị khu vực II	02	02	02	02	02	02	02
4	Học viện Chính trị khu vực III	02	02	02	02	02	02	02
5	Học viện Chính trị khu vực IV	02	02	02	02	02	02	02
6	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	02	02	02	02	02	02	02
7	63 trường chính trị tỉnh, thành phố	20	25	30	35	35	35	35
8	Các trường cán bộ các Bộ, ngành	10	12	13	15	15	20	25
9	Các trường đại học, cao đẳng	20	25	30	35	35	40	45
10	Ban Đối ngoại Trung ương	03	03	04	04	04	04	04
10	Bộ Ngoại giao	04	05	06	07	07	07	07
11	Sở Ngoại vụ các tỉnh, thành phố	06	08	08	10	10	15	20
12	Doanh nghiệp	11	13	15	20	20	30	50
13	Đại học Duy Tân	10	12	15	30	30	40	50

III. GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN SẼ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO NGÀNH TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

1. Giới thiệu về Khoa Sau Đại học

Khoa Sau Đại học có biên chế gồm 1 trưởng khoa, 2 phó khoa, 1 giáo vụ và 5 chuyên viên. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ có 2 PGS.TS, 3 Tiến sĩ, 2 Thạc sĩ và 2 kỹ sư.

Khoa sau đại học đảm nhận quản lý các hoạt động đào tạo Sau đại học của nhà trường, gồm các chương trình đào tạo của trường, các chương trình liên kết trong nước và ngoài nước.

Trường Đại học Duy Tân được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ vào ngày 16/01/2009 tại quyết định số 83/QĐ-TTg và được Bộ Giáo dục Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành Quản trị kinh doanh, Khoa học máy tính và Kế toán với quyết định số 460/QĐ-BGDĐT, ngày 21/01/2009; quyết định số 2935/QĐ-BGDĐT, ngày 14/04/2009; quyết định số 409/QĐ-BGDĐT, ngày 25/01/2011.

Đến nay đã tuyển sinh 16 khóa đào tạo thạc sĩ. Tổng số học viên trúng tuyển và nhập học là trên 2600 học viên. Trường cũng đã được phép đào tạo tiến sĩ Quản trị Kinh doanh và Khoa học máy tính từ năm 2014.

2. Giới thiệu đôi nét về Khoa KHXH&NV

2.1. Lịch sử phát triển Khoa KHXH&NV

Trường Đại học Duy Tân là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, được thành lập theo Quyết định số 606/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ. Với định hướng “*Đào tạo gắn liền với nghiên cứu thực nghiệm lấy nhân văn làm nền tảng*” làm triết lý giáo dục; Trường Đại học Duy Tân xác định rõ sứ mạng, mục tiêu, tầm nhìn, mô hình đại học hiện đại trong quá trình huy động tối đa nội lực, hợp tác chặt chẽ với các trường đại học trong và ngoài nước, phấn đấu trở thành đại học đa cấp, đa ngành, nhằm đào tạo nguồn nhân lực đẳng cấp quốc tế.

Phục vụ mục tiêu xuyên suốt nêu trên và nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, Khoa *Khoa học Xã hội & Nhân văn (Faculty of Social Science & Humanities)* được thành lập vào ngày 22/1/2007. Những ngày đầu, Khoa chỉ có 02 Tiến sĩ, 08 Thạc sĩ, nhưng đến nay khoa đã có 6 PGS, 11 Tiến sĩ, 01 NCS, 19 Thạc sĩ và 1 chuyên viên với 4 ngành: Văn học (hướng ứng dụng chuyên ngành

Văn - Báo chí), Việt Nam học (hướng ứng dụng Văn hóa – Du lịch), Quan hệ quốc tế, Truyền thông đa phương tiện. Khoa cũng đã thiết lập được mối quan hệ với nhiều trường Đại học, Viện nghiên cứu lớn trong và ngoài nước, trong đó có các Đại học hàng đầu của Việt Nam như trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Học Viện Ngoại giao, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Đại học Vinh, Học viện Hành chính - Chính trị khu vực III, cùng nhiều đại học uy tín đến từ Hoa Kỳ, Thái Lan, Singapore, Trung Quốc trong việc mời thỉnh giảng tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học và thực hiện chương trình trao đổi sinh viên.

Khoa *Khoa học Xã hội & Nhân văn* luôn bám sát mục tiêu đào tạo: **“Tất cả vì quyền lợi học tập và có việc làm của sinh viên”**. Hiện nay, nhiều cựu sinh viên của Khoa đã tốt nghiệp và đang làm việc tại nhiều cơ quan, tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp trong cả nước. Hầu hết sinh viên tốt nghiệp từ Khoa *Khoa học Xã hội & Nhân văn* đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn khi tiếp nhận công việc, đặc biệt sinh viên của Khoa luôn được đánh giá cao về những kỹ năng làm việc thực tế và trình độ sử dụng ngoại ngữ tốt.

2.2. Cơ cấu tổ chức, nhân sự

Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm:

- Hội đồng khoa học Khoa;
- Ban Lãnh đạo Khoa: 01 Trưởng Khoa, 01 Phó trưởng Khoa, 01 Giáo vụ;
- Tổ bộ môn (3 tổ bộ môn đảm nhận đào tạo 4 chuyên ngành): Tổ bộ môn Báo chí – Truyền thông quản lý 2 ngành Văn học (hướng ứng dụng Văn - Báo chí) & Truyền thông đa phương tiện. Tổ bộ môn Văn hóa Du Lịch quản lý ngành Việt Nam học (hướng ứng dụng Văn hóa – Du lịch); Tổ bộ môn Quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó còn có Tổ chuyên môn Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.
- Bộ phận Công Đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Câu lạc bộ Báo chí – Truyền thông.

Hiện nay, Khoa đã xây dựng được đội ngũ cán bộ - giảng viên - chuyên viên chất lượng gồm 27 người, trong đó có 4 PGS, 11 Tiến sĩ (chiếm 40%), 1 Nghiên cứu sinh, 19 Thạc sĩ (chiếm 60%). Hầu hết, đội ngũ Tiến sĩ trong Khoa đều tốt nghiệp từ các nước phát triển như Đức, Nga, Hà Lan, Thụy Sĩ và các trường đại học lớn trong cả

nước. Giảng viên cơ hữu của Khoa đa phần là cán bộ trẻ, nhiệt huyết với nghề, năng động, sáng tạo, không ngừng học hỏi nâng cao kiến thức và đã được cử đi tập huấn về phương pháp giảng dạy tích cực tại các Trường Đại học uy tín ở Singapore và Hoa Kỳ. Đội ngũ này là điều kiện đảm bảo chất lượng đầu ra cho sinh viên của Khoa. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên mời các Giáo sư, Tiến sĩ đầu ngành tại các trường Đại học có uy tín trong nước và trên thế giới, các chuyên gia làm việc trong các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, Viện nghiên cứu... về tham gia công tác giảng dạy. Điều này giúp Khoa tăng khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn của sinh viên, cũng như đảm bảo sự cập nhật liên tục hệ thống kiến thức và phương thức tiếp cận tốt nhất cho sinh viên.

IV. LÝ DO ĐỀ NGHỊ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Trải qua 26 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Duy Tân đã và đang trên đà phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn chất lượng chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao. Không dừng lại ở đó, trường vẫn luôn tiếp tục chú trọng nghiên cứu xây dựng các chương trình và chuyên ngành mới phù hợp với xu hướng phát triển chung của toàn xã hội.

Trong điều kiện nền kinh tế đất nước đang có những bước phát triển vượt bậc như hiện nay, ngành Quan hệ Quốc tế đang được xem là một trong những ngành nghề có triển vọng phát triển tốt. Trong điều kiện hội nhập, nhu cầu về một lực lượng lao động am hiểu công tác ngoại giao làm việc trong các cơ quan nhà nước, các tập đoàn, doanh nghiệp sẽ ngày càng cao. Từ đó, yêu cầu ngày càng cao trong việc mở ngành đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về Quan hệ Quốc tế để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Năm 2007, Trường Đại học Duy Tân đã bắt đầu tuyển sinh khóa đầu tiên ngành Quan hệ Quốc tế. Trải qua 13 năm đào tạo, số lượng sinh viên theo học ngành Quan hệ Quốc tế ngày càng tăng và luôn có nhu cầu nâng cao trình độ, theo học chương trình Sau đại học. Hơn nữa, tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên vẫn chưa có Trường Đại học nào đào tạo Sau đại học ngành Quan hệ quốc tế, do đó việc mở ngành là cần thiết và phù hợp với nhu cầu của xã hội, nhất là tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Những lý do chính để Trường Đại học Duy Tân có thể nhận nhiệm vụ đào tạo Nghiên cứu sinh chuyên ngành Quan hệ Quốc tế:

Thứ nhất, dựa trên sự mở rộng quy mô đào tạo đại học của Trường Đại học Duy Tân cũng như tốc độ phát triển kinh tế và tiến trình hội nhập nhanh chóng của đất nước đã tạo nên nhu cầu ngày càng lớn đối với việc đào tạo Sau đại học của trường. Hơn nữa tại Việt Nam, đặc biệt ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, chưa có trường đại học nào đào tạo Sau đại học ngành Quan hệ Quốc tế, trong lúc đó, nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ cao về Quan hệ Quốc tế đang còn thiếu, chưa đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực có chất lượng cao cho phát triển Kinh tế - Xã hội của đất nước.

Thứ hai, qua hơn 26 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Duy Tân đã có sự chuyển biến mạnh mẽ; các ngành và chuyên ngành đào tạo được cơ cấu lại theo xu hướng mở rộng; nội dung, chương trình đào tạo được đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới. Trường đã đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ Quốc tế từ năm 2007 và tính đến 2020, Trường đã đào tạo được 15 khóa tốt nghiệp với hơn 2000 sinh viên ra trường.

Thứ ba, đội ngũ giảng viên của Trường thuộc ngành Quan hệ Quốc tế và các ngành gần bao gồm: 4 Phó giáo sư, 11 Tiến sĩ cùng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đang tham gia giảng dạy tại nhiều Trường Đại học, Viện nghiên cứu...v.v.. Các cán bộ giảng viên đều đã có kinh nghiệm nhiều năm tham gia công tác đào tạo Sau đại học tại nhiều Trường Đại học danh tiếng trong cả nước. Với sự chuẩn bị chu đáo về mặt nhân lực, Trường Đại học Duy Tân có thể đảm nhận trên 70% khối lượng đào tạo Sau đại học ở chuyên ngành Quan hệ Quốc tế.

Thứ tư, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác đào tạo ngành Quan hệ Quốc tế đã được tăng cường và hiện đại hóa. Trường hiện có 1.068 máy tính được trang bị ở 23 phòng thực hành và thư viện. Trường đang tiếp tục đầu tư 10 phòng thực hành cho các chuyên ngành đào tạo bậc Đại học và Sau đại học. Phòng bảo vệ Luận văn, Luận án được xây dựng và trang bị hệ thống thiết bị hiện đại.

Thư viện của trường hiện có 13 cán bộ, phục vụ Sinh viên – Học viên – Nghiên cứu sinh từ 7 giờ sáng đến 21 giờ hàng ngày, với trên 14.000 đầu sách tiếng Việt và tiếng Anh tạo điều kiện tối đa cho Sinh viên – Học viên – Nghiên cứu sinh tham khảo và nghiên cứu. Đặc biệt, Trường đã bố trí riêng cho Học viên Cao học và Nghiên cứu sinh 2 phòng đọc gồm hơn 120 chỗ ngồi với đầy đủ hệ thống máy vi tính ở mỗi vị trí ngồi để thuận tiện truy cập thông tin.

Thứ năm, về tổ chức bộ máy: Từ năm 2008 Trường đã thành lập Khoa Sau đại học phụ trách công tác đào tạo Sau đại học của trường. Qua 26 năm thành lập, trường đã được Bộ GDĐT cấp phép đào tạo 3 ngành Tiến sĩ, 5 ngành Thạc sĩ. Từ đó, Trường đã tuyển sinh đào tạo 7 khóa Tiến sĩ, 19 khóa Thạc sĩ.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Duy Tân có tạp chí Khoa học - Công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu giảng dạy cho giảng viên, nghiên cứu viên, học viên Cao học và Nghiên cứu sinh.

Trong thời gian qua, Trường Đại học Duy Tân tiếp tục hoàn thành các bước và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo để mở thêm chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế, cụ thể là:

- + Hoàn thiện việc xây dựng mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình cho chuyên ngành đào tạo Nghiên cứu sinh Quan hệ Quốc tế theo hướng dẫn của Bộ.

- + Biên soạn đề cương chi tiết cho tất cả các môn học theo chương trình chuyên ngành đào tạo Nghiên cứu sinh Quan hệ quốc tế.

- + Tổng hợp thành lập đề án đăng ký mở chuyên ngành đào tạo Nghiên cứu sinh Quan hệ quốc tế.

Xuất phát từ nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ Sau đại học chuyên ngành Quan hệ Quốc tế và khả năng đáp ứng của Trường Đại học Duy Tân về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nguồn thông tin tư liệu lẫn cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chuyên ngành Quan hệ quốc tế; Trường Đại học Duy Tân hội đủ điều kiện (khi được bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép) có thể triển khai công tác đào tạo Sau đại học đảm bảo chất lượng. Trường Đại học Duy Tân kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giao nhiệm vụ đào tạo Nghiên cứu sinh chuyên ngành Quan hệ Quốc tế cho Trường.

PHẦN 2

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Qua hơn 26 năm kể từ ngày thành lập (1994 - 2020), Trường Đại học Duy Tân đã đào tạo hơn 74.500 sinh viên hệ chính quy tập trung, đã công nhận tốt nghiệp cho trên 45.000 sinh viên hệ Đại học và Cao đẳng. Phần lớn sinh viên ra trường đang công tác ở các địa bàn trên cả nước, nhất là ở các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên. Trong số đó, nhiều sinh viên đã trưởng thành và giữ những vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp, địa phương khác nhau.

1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

❖ Các loại hình đào tạo.

- Đối với loại hình đào tạo chính quy

Tính đến 06/2020, Trường Đại học Duy Tân đã đào tạo trên 36.647 sinh viên Đại học tốt nghiệp ra trường, trong đó:

- Đối với đào tạo liên thông

Từ tháng 5 năm 2007 đến tháng 8 năm 2016, Trường đã tuyển sinh 6.312 sinh viên thuộc 4 ngành: Kế toán, Tin học, Xây dựng, Du lịch và Y dược, trong đó:

+ Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học: 2.642 sinh viên

+ Liên thông từ Trung cấp lên Đại học: 2.352 sinh viên

+ Liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng: 1.318 sinh viên

- Đối với đào tạo đại học bằng hai

Từ năm 2005 đến 4/2020, Trường đã đào tạo 3.013 sinh viên thuộc các ngành Kế toán, Quản trị, Ngân hàng.

Trong đó: + Kế toán: 781 sinh viên

+ Ngân hàng: 355 sinh viên

+ Quản trị kinh doanh: 877 sinh viên

1.3. Số khóa và số sinh viên của ngành Quan hệ Quốc tế đã tốt nghiệp trình độ cử nhân

Từ khi thành lập (năm 2007) đến nay, tình hình tuyển sinh các ngành do Khoa đào tạo thường xuyên đạt chỉ tiêu do Trường đề ra. Qua 13 khóa tuyển sinh, tổng số sinh viên trúng tuyển toàn khoa là 4.417 sinh viên theo học bậc đại học

Tổng số lượng sinh viên trúng tuyển vào Khoa từ 2007 – 2020

STT	Năm tuyển sinh	Văn – Báo chí	Việt Nam học	Quan hệ Quốc tế	Truyền thông đa phương tiện	Toàn khoa
1	2007	55	47	100	Chưa mở ngành	197
2	2008	49	45	100	Chưa mở ngành	194
3	2009	45	46	100	Chưa mở ngành	190
4	2010	41	50	100	Chưa mở ngành	191
5	2011	46	49	100	Chưa mở ngành	195
6	2012	46	52	200	Chưa mở ngành	297
7	2013	95	97	200	Chưa mở ngành	394
8	2014	99	105	200	Chưa mở ngành	395
9	2015	100	100	300	Chưa mở ngành	500
10	2016	100	100	300	Chưa mở ngành	500
11	2017	150	150	350	70	720
12	2018	100	100	300	60	560
13	2019	100	100	300	60	560
14	2020	150	150	350	62	650
Tổng						5.543

(Nguồn: Phòng Đào tạo – Trường Đại học Duy Tân)

*** Số lượng sinh viên tốt nghiệp của Khoa giai đoạn 2007-2020**

Từ năm học 2007-2020, tổng số sinh viên tốt nghiệp toàn khoa gần 5.000 sinh viên. Trong đó ngành Quan hệ Quốc tế chiếm 70% trong tổng số sinh viên tốt nghiệp tại Khoa.

Tổng hợp số lượng sinh viên tốt nghiệp các khóa từ 2007 – 2020

STT	Năm tốt nghiệp	Văn học	Việt Nam học	Quan hệ Quốc tế	Tỉ lệ sinh viên có việc làm
1	2010	48	47	75	100%
2	2011	46	43	83	98%
3	2012	43	45	150	98%
4	2013	40	43	150	98%
5	2014	44	46	200	100%
6	2015	40	48	200	98%
7	2016	50	70	250	98%
8	2017	40	43	150	98%
9	2018	44	46	200	100%
10	2019	40	48	200	98%
11	2020	50	70	250	98%
Tổng		2020			

(Nguồn: Phòng Đào tạo – Trường Đại học Duy Tân)

Số lượng sinh viên tốt nghiệp trên sẽ là nguồn cung ứng thí sinh dồi dào cho kế hoạch đào tạo chương trình Sau đại học chuyên ngành Quan hệ Quốc tế.

*** Số lượng học viên Cao học tốt nghiệp của Khoa khóa 2017-2020**

Tổng hợp số lượng học viên tốt nghiệp khóa học từ 2017 – 2020

STT	Năm tốt nghiệp	Quan hệ Quốc tế	Tỷ lệ học viên có việc làm
1	2020	10	100%
Tổng			

(Nguồn: Phòng Đào tạo – Trường Đại học Duy Tân)

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ CƠ HỮU

Đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu của trường Đại học Duy Tân đứng ngành tham gia đào tạo Tiến sĩ gồm 10 người, trong đó có 3 người có học hàm Phó giáo sư và 7 người có học vị Tiến sĩ. Ngoài ra, Trường còn có 2 cán bộ đang theo học chương trình Nghiên cứu sinh Quan hệ Quốc tế.

Đội ngũ giảng viên của Đại học Duy Tân có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo Sau đại học, cụ thể trong công tác hướng dẫn, chấm Luận văn Cao học, Luận án Tiến sĩ tại Trường và các cơ sở đào tạo khác. Danh sách đội ngũ cán bộ khoa học của trường cụ thể như sau:

2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong CTĐT ngành đăng ký đào tạo trình độ Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Mỹ, 1948, Chức vụ: Trưởng Bộ môn	PGS 2003	Tiến sĩ, Viện Viễn Đông Nga, 1987	Lịch sử quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại	1988 Học Viện Ngoại giao Hà Nội	06 Đề tài NCKH cấp Bộ 36 Bài báo trên tạp chí ngành 01 Bài báo trên tạp chí trường 04 Bài trong KY HN KH	- Lý thuyết quan hệ quốc tế	

2	Nguyễn Hữu Cát	PGS, 2009	Tiến sĩ, Việt Nam, 1994	Chính trị học	Học viện Chính trị QG, 1990	05 Đề tài NCKH cấp Bộ 36 Bài báo trên tạp chí ngành	Xu hướng và vấn đề QHQT ở châu Âu	
3	Hoàng Văn Đồng	PGS, 2012	Tiến sĩ, Việt Nam 2006	Chính trị học	Học viện chính trị Quốc gia HCM, 2000	07 Đề tài NCKH cấp Bộ 40 Bài báo trên tạp chí ngành	Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thời kỳ đổi mới	
4	Hoàng Thị Minh Hoa, 1954, GV khoa KHXH & NV, Đại học Duy Tân	PGS, 2003	Tiến sĩ, Việt Nam, 1996	Lịch sử Thế giới	1977 Đại học Sư phạm Huế	03 đề tài cấp Nhà nước (03 lần viết Dực điển Việt nam)	- Lý thuyết quan hệ Quốc tế	
5	Vũ Thụy Trang, 1980, GV khoa KHX&		Tiến sĩ Liên bang Nga, 2012	Lịch sử Quan hệ quốc tế và quan hệ đối	2017 ĐH Duy Tân	01 giáo trình 02 đề tài cấp cơ sở	- Toàn cầu hóa và những tác động của nó	

	&NV- Đại học Duy Tân			ngoại				
6	Trần Thị Hải Yên, 1987, GV khoa KHXH & NV, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quan hệ Quốc tế	2017 ĐH Duy Tân	03 bài báo	- An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế	
7	Nguyễn Thanh Sinh, 1983, GV khoa KHXH & NV, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Trung Quốc 2017	Quan hệ Quốc tế	2009 ĐH Duy Tân	03 bài báo tạp chí ngành	- Cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối đối ngoại Việt Nam	
8	Trần Xuân Hiệp, 1946, GV khoa KHXH & NV, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Lịch sử thế giới	2009 ĐH Duy Tân	- 02 đề tài cấp cơ sở - 03 giáo trình toàn quốc - 04 bài báo tạp chí ngành	- Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh Lạnh	

9	Bùi Kim Luận, 1989, GV khoa, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Hàn Quốc	Quốc tế học	2012 Đại học Duy tân	03 bài báo tạp chí ngành	- Phương pháp luận quan hệ quốc tế	
---	---	--	----------------------	-------------	----------------------------	-----------------------------	--	--

2.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng tham gia đào tạo chuyên ngành Quan hệ Quốc tế trình độ Tiến sĩ (Sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống: đúng ngành, gần ngành, khác ngành)

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Quế, 1959, Chức vụ: Giảng viên	PGS 2008	Tiến sĩ, Việt Nam, 1993	Chính trị học	2010 Học Viện Chính trị QG	110 bài báo 10 đề tài cấp Bộ	
2	Phạm Minh Sơn, 1966 Chức vụ: Giảng viên	PGS. TS	Tiến sĩ Liên bang Nga, 1998	Chính trị học	2012 Học Viện Báo chí Tuyên Truyền	90 bài báo 5 đề tài cấp Bộ 5 giáo trình	

3	Bùi Việt Hương, 1980 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2013	Chính trị học	2014 Học viện chính trị QG HCM	15 bài báo 5 đề tài cấp Bộ	
4	Nguyễn Tuấn Việt, 1976 Chức vụ: Trưởng Khoa		TS, Hoa Kỳ, 2014	Quan hệ Quốc tế	2015 Học Viện Ngoại giao	40 bài báo 5 đề tài cấp Bộ 5 giáo trình	
5	Lê Lêna, 1984 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2017	Quan hệ Quốc tế	2015 ĐH KHXH & NV HN	32 bài báo 5 đề tài cấp Bộ	
6	Trần Nguyên Khanh, 1982 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2017	Quan hệ Quốc tế	2015 ĐH KHXH & NV Tp.HCM	21 bài báo 5 đề tài cấp Bộ	
7	Trần Thanh Huyền, 1980 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2017	Quan hệ Quốc tế	2015 ĐH KHXH & NV TPHCM	28 bài báo 5 đề tài cấp Bộ	

8	Hoàng Khắc Nam, 1962, Chức vụ: Trưởng Khoa Quốc tế học, ĐH KHXH&NV HN	GS 2006	Tiến sĩ, Việt Nam, 1994	Lịch sử Quan hệ Quốc tế	1990 KHXH & Nhân văn, ĐH Quốc gia HN	4 giáo trình toàn quốc 05 bài báo trên tạp chí ngành	
9	Nguyễn Công Khanh, 1951 Chức vụ: Giảng viên	PGS, 2003	TS, Liên bang Nga, 1994	Lịch sử thế giới	2000 ĐH Vinh	56 bài báo 6 đề tài cấp Bộ	
12	Nguyễn Hoàng Huế, 1985 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2015	Lịch sử thế giới	2016 ĐH Thủ Dầu Một	24 bài báo 3 đề tài cấp cơ sở	
13	Đặng Văn Chương, 1958 Chức vụ: Giảng viên	PGS, 2003	TS, Việt Nam, 1997	Lịch sử thế giới	2003 Đại học Huế	98 bài báo 6 đề tài cấp Bộ	

10	Nguyễn Xuân Phong, 1979 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2010	Triết học	2012 Học viện chính trị QG HCM	37 bài báo	
11	Tổng Đức Thảo, 1977 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2012	Luật Quốc tế	2013 Học viện chính trị QG HCM	21 bài báo	
14	Trương Anh Thuận, 1983 Chức vụ: Giảng viên		TS, Trung Quốc, 2016	Trung Quốc học	2017 ĐH Đà Nẵng	12 bài báo	
15	Lê Thị Mai, 1983 Chức vụ: Giảng viên		TS, Trung Quốc, 2016	Lịch sử, Văn hóa Trung Quốc	2017 Đại học Đà Nẵng	17 bài báo	
16	Lưu Quý Khương, 1960 Chức vụ: Giảng viên	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ học	2013 Đại học Đà Nẵng	88 bài báo 4 giáo trình	

17	Trần Thị Mai An, 1976 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2013	Nhân học văn hóa	2013 Đại học Đà Nẵng	34 bài báo 9 đề tài cấp Bộ	
18	Mai Thị Phú Phương, 1958 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 1997	Lịch sử	2013 Đại học Qui Nhơn	24 bài báo 3 đề tài cấp Bộ	
19	Trần Thị Bảo Hương, 1981 Chức vụ: Giảng viên		TS, Trung Quốc, 2017	Ngoại giao	2017 Đại học Duy Tân	3 bài báo	
20	Trần Thị Ánh Nguyệt, 1981 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2017	Lý luận văn học	2008 Đại học Duy Tân	15 bài báo 2 đề tài cấp Bộ	
21	Hoàng Thị Hường, 1976 Chức vụ: T.Khoa		TS, Việt Nam, 2018	Ngữ văn	2009 Đại học Duy Tân	20 bài báo 4 đề tài cấp Bộ	

22	Lê Trung Nam Hiếu, 1990 Chức vụ: Giảng viên		TS, Việt Nam, 2017	Lịch sử thế giới	2004 Đại học Khoa học Huế	10 bài báo 2 đề tài cấp Bộ	
23	Nguyễn Đình Thuận, Chức vụ:		TS, Việt Nam	Chính trị học	2014 Đại học Quốc gia HN	10 bài báo 3 đề tài cấp Bộ	

2.3. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Phi Sơn, 1975, Chức vụ: Trưởng phòng Đào tạo, Đại học Duy Tân	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	
2	Nguyễn Gia Như, 1974, Chức vụ: Trưởng Khoa Sau đại học, Đại học Duy Tân	Tiến sĩ, 2015	Khoa học máy tính	
3	Hoàng Thị Hương, 1976, Chức vụ: Trưởng khoa KHX& NV- Đại học Duy Tân	Tiến sĩ, 2018	Văn học	

4	Nguyễn Thị Thu Mỹ, 1948, Chức vụ: Trưởng bộ môn Tiền sử Quan hệ quốc tế	Tiến sĩ, 1987	Lịch sử Quan hệ Quốc tế và Chính sách đối ngoại	
5	Nguyễn Hữu Cát, 1953, Chức vụ: Phó trưởng bộ môn Tiền sử Quan hệ quốc tế	Tiến sĩ, 1994	Chính trị học	
6	Hoàng Văn Đồng, 1960, Chức vụ: Phó trưởng bộ môn Tiền sử Quan hệ quốc tế	Tiến sĩ, 2005	Chính trị học	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

3.1. Phòng học, giảng đường

Trong những năm gần đây, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy của Trường ngày càng được cải thiện. Trường hiện có 5 cơ sở đào tạo chính:

- + Cơ sở 1: 3 Quang Trung - Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- + Cơ sở 2: 21 Nguyễn Văn Linh - Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.
- + Cơ sở 3: 182 Nguyễn Văn Linh - Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

+ Cơ sở 4: 209 Phan Thanh - Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng:

+ Cơ sở 5: Phường Hòa Khánh Nam - Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Tổng diện tích đất tại 5 cơ sở này là 4,5 ha. Tổng diện tích xây dựng là 58.114m².

Bên cạnh đó, tòa nhà 22 tầng tại địa chỉ số 3 Quang Trung cung cấp diện tích sử dụng thêm khoảng 25.000m².

Được thành phố cấp cho 31 ha đất tại Hòa Cầm, Cẩm Lệ, hiện tại, Nhà trường đang tiến hành thiết kế khu vực này thành một khuôn viên Đại học xanh nơi sinh viên và giảng viên không chỉ học tập mà còn có thể nghỉ ngơi, thư giãn.

Tổng diện tích phòng học, giảng đường của Trường Đại học Duy Tân

Số TT	Loại phòng	Số lượng	Tổng diện tích (m²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	184	13750			Tất các các môn
2	Phòng máy tính	19	1520			Tất các các môn
3	Phòng học tiếng	6	430			Tất các các môn
3	Thư viện	6	2380			Tất các các môn
4	Phòng thí nghiệm, thực hành	33	3500			Tất các các môn
5	Xưởng thực tập – thực hành	50	6360			Tất các các môn
6	Phòng ký túc xá	35	1400			Tất các các môn
7	Nhà ăn	1	500			Tất các các môn

8	Hội trường	5	1000			Tất các các môn
9	Nhà văn hóa	1	100			Tất các các môn
10	Nhà thi đấu đa năng	1	2500			Văn thể mỹ
11	Sân vận động	1	10000			Văn thể mỹ
12	Diện tích khác (văn phòng, nhà kho, xưởng,...)		5000			
13	Tổng diện tích đất đai		360.000			
14	Tổng diện tích sàn xây dựng		47.500			

3.2. Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Về trang thiết bị dạy và học: Trường có 1.300 máy tính, trong đó có 820 máy tính được trang bị ở 23 phòng thực hành với 150 laptop. Ngoài ra còn có 185 projector trang bị ở các giảng đường và phòng học.

Hệ thống phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại nằm tại 05 cơ sở, bao gồm 33 phòng thí nghiệm khác nhau như: Phòng thực hành kế toán ảo, Phòng thí nghiệm lý hóa, Hóa – sinh, Vi sinh, Y sinh, Môi trường, Giải phẫu, Điều dưỡng, Dược lý, Bào chế dược liệu, Sinh lý bệnh, Hệ thống nhúng, Rô bốt – Micromouse, Điện – Điện tử, Viễn thông, Cơ học đất, Thủy lực, Vật liệu xây dựng, Sức bền vật liệu, Trắc địa, Vẽ kỹ thuật, Audio và Video, Lễ tân, Bếp, Buồng, Phòng..v..v..

Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất/năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị	Ghi chú
-------	--	----------------------------	----------	-------------------------------	---------

1	Máy tính	2015, Mỹ	1300	Tất cả các học phần	Các phòng TH và Thư viện: 620PCs (21NVL: 110PCs, 209PT: 250PCs, 184NVL: 160PCs; 5A QT: 100)
2	Server	2015, Mỹ	50	Tất cả các học phần	2 DataCenter, 7 Máy Server IBM: hệ điều hành Windows 2003 Advance Server gồm các chức năng máy chủ WEB và máy chủ Mail, Telnet, FTP...
3	Projector	2015, Mỹ	185	Tất cả các học phần	Các giảng đường và phòng học:
4	Máy in	2018, Mỹ	75	Tất cả các học phần	
5	Máy Photo	2015, Mỹ	8	Tất cả các học phần	
6	Đèn chiếu	2020, Mỹ	5	Tất cả các học phần	

7	Khuếch đại âm thanh	2015, Mỹ	31	Tất cả các học phần	Các giảng đường và phòng học
8	Cassette	2015, Mỹ	75	Tất cả các học phần	
9	Switch	2015, Mỹ	45	Tất cả các học phần	
10	Hub	2015, Mỹ	29	Tất cả các học phần	
11	Laptop	2019, Mỹ	150	Tất cả các học phần	
12	Máy ảnh	2018, Mỹ	5	Tất cả các học phần	
13	Máy quay phim	2015, Mỹ	2	Tất cả các học phần	
14	Ổ áp	2015,	32	Tất cả các học phần	

		Mỹ			
15	Tủ lạnh	2018, Mỹ	4	Tất cả các học phần	
16	Điện thoại	2018, Mỹ	77	Tất cả các học phần	
17	Máy điều hòa	2015, Mỹ	150	Tất cả các học phần	
18	Máy Fax	2017, Mỹ	4	Tất cả các học phần	
19	Máy bộ đàm	2019, Mỹ	6	Tất cả các học phần	
20	Tivi	2020, Mỹ	26	Tất cả các học phần	
21	Camera	2020, Mỹ	27	Tất cả các học phần	

22	Đầu DVD	2020, Mỹ	18	Tất cả các học phần	
23	Gauter	2018, Mỹ	3	Tất cả các học phần	
24	Quạt các loại	2019, Mỹ	250	Tất cả các học phần	
25	Tủ	2020, Mỹ	312	Tất cả các học phần	
26	Bảng viết các loại	2019, Mỹ	181	Tất cả các học phần	
27	Đồng hồ	2018, Mỹ	45	Tất cả các học phần	
28	Máy bơm	2014, Mỹ	8	Tất cả các học phần	
29	Bàn	2018,	4546	Tất cả các học phần	

		Mỹ			
30	Ghế	2018, Mỹ	6450	Tất cả các học phần	
31	Salon	2019, Mỹ	18	Tất cả các học phần	
32	Projector	2019, Mỹ	51	Tất cả các học phần	Các GD và phòng học: 34 cái (21NVL: 7, 209PT: 9, 184NVL: 9, ĐBP: 1, di động: 8), kho: 16 cái.

3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

Số TT	Tên sách, tên tạp chí	Tác giả	Nước xuất bản, Năm xuất bản		Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Ghi chú
1	Lí thuyết quan hệ quốc tế	Hoàng Khắc Nam	Việt Nam	2017	1	Lí thuyết quan hệ quốc tế	
2	Nhập môn: Quan hệ quốc tế	Hoàng Khắc Nam	Việt Nam	2016	1	Lí thuyết quan hệ quốc tế	

3	Những thách thức phát triển chung trong khối ASEAN	Đỗ Hoài Nam Stephane Lagree	Việt Nam	2016	2	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh
4	Lịch sử quan hệ Việt Nam - liên minh Châu Âu 1990 – 2015: 25 năm hữu nghị và phát triển	Andrew Hardy	Việt Nam	2015	5	Quan hệ quốc tế ở Châu Âu
5	Hợp tác quốc tế của chính quyền địa phương: pháp luật và thực tiễn ở Cộng hòa Pháp ở Việt Nam (Sách chuyên khảo)	Nguyễn Hoàng Anh	Việt Nam	2015	20	Quan hệ quốc tế ở Châu Âu
6	Hợp tác và hội nhập ở Đông Nam Á	Trần Xuân Hiệp (chủ biên)	Việt Nam	2018	2	Hợp tác giữa các nước đang phát triển
7	Hợp tác và hội nhập quốc tế: Lí luận và thực tiễn	Hoàng Khắc Nam	Việt Nam	2017	1	Hợp tác giữa các nước đang phát triển
8	25 năm quan hệ ASEAN – Trung Quốc: Quá trình, thành tựu và vấn đề	Nguyễn Thu Mỹ Đàm Huy Hoàng Trần Xuân Hiệp	Việt Nam	2016	2	Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thời kỳ hiện đại

9	Giáo trình quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Xu hướng và vấn đề trong quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
10	Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000	Nguyễn Đình Bin	Việt Nam	2015		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
11	Hội nhập kinh tế quốc tế - 30 năm nhìn lại	Vũ Văn Phúc	Việt Nam	2015		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
12	Hợp tác an ninh phi truyền thống trên biển ở Đông Nam Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam	Võ Xuân Vinh	Việt Nam	2019		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	
13	Hợp tác phòng, chống thiên tai của ASEAN trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu	Lê Phương Hòa	Việt Nam	2018		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	
14	Cộng đồng ASEAN sau năm 2015 và sự tham gia của Việt Nam	Nguyễn Văn Hà	Việt Nam	2018		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	

15	Đánh giá, dự báo tác động của điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển mới của Trung Quốc đến ASEAN và gợi mở chính sách cho Việt Nam	Nguyễn Huy Hoàng	Việt Nam	2018		Sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI	
16	Biến đổi chính trị, kinh tế ở Myanmar từ 2011 đến nay: bối cảnh, nội dung và tác động	Võ Xuân Vinh	Việt Nam	2015		Địa chính trị - kinh tế	
17	India, Vietnam and the Indo-Pacific: Expanding Horizons	Pankaj Jha Vo Xuan Vinh	Việt Nam	2020		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
18	Quan hệ quốc tế ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
19	Việt Nam's Foreign Policy in the Renovation Period 1986 - 2010	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	

20	Quan hệ tam giác Việt Nam-Liên Xô-Trung Quốc trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ 1954 -1975	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Quan hệ kinh tế quốc tế sau chiến tranh lạnh	
21	Kiến trúc an ninh Châu Á Thái Bình Dương - thực trạng và triển vọng	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2017		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
22	Vietnam's Foreign Policy and External Relations	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2018		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
23	Chủ nghĩa khu vực - Những vấn đề lý luận và thực tiễn	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2018		Chủ nghĩa khu vực: lý luận và thực tiễn	
24	Đại tướng Nguyễn Chí Thanh- Những góc nhìn đương đại	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2018		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
25	Chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam (1986-2015)	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2018		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	

26	Thể chế chính trị thế giới	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2019		Lí thuyết quan hệ quốc tế	
27	Quản lý phát triển xã hội ở Việt nam: thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2019		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
28	Critical Reflections on China's Belt & Road Initiative	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2020		Sử trỗi dậy của Trung Quốc trong thế kỷ XXI	
29	Collaboration in Water Resource Management in Vietnam and South-East-Asia	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2020		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	
30	Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay: những vấn đề lí luận và thực tiễn	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2015		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
31	Chính sách đối ngoại của các nước lớn trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2015		Chính sách đối ngoại của các cường quốc	
32	Xây dựng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong điều	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2015		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	

	kiện mới						
33	Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: những vấn đề lí luận từ công cuộc đổi mới	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2015		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
34	Việt Nam, Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2016		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
35	Đối ngoại công chúng: Mô hình hoạt động của một số nước lớn trên thế giới và đề xuất với Việt Nam	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2016		Chính sách đối ngoại của các cường quốc	
36	Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc: Thực trạng và những vấn đề đặt ra	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2016		Chính sách đối ngoại của các cường quốc	
37	Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2017		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	

38	Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2016		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
39	Sử dụng các phương tiện truyền thông mới trong hoạt động ngoại giao, kỹ thuật số hiện nay	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2016		Văn minh thông tin và kinh tế tri thức	
40	Phát triển bền vững và yêu cầu đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2016		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
41	Từ Cách mạng tháng 10 đến Cách mạng Việt Nam: Ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2016		Cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối đối ngoại Việt Nam	
42	Sức mạnh mềm Ấn Độ, sức mạnh mềm Việt Nam trong bối cảnh khu vực hóa, toàn cầu hóa	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2017		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
43	Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2017		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình	

						Dương	
44	Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Ấn Độ - Thái Bình Dương: tự do và rộng mở	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2017		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
45	Sự trỗi dậy của Ấn Độ và những tác động đến cấu trúc an ninh khu vực	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2018		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
46	Mối quan hệ giữa chính trị và chính sách công ở Việt Nam	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2017		Cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối đối ngoại Việt Nam	
47	Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ về an ninh năng lượng trong bối cảnh mới	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2017		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	
48	Việt Nam – Hàn Quốc: 25 năm hợp tác phát triển (1992 – 2017) và triển vọng đến năm 2022	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2017		Hợp tác giữa các nước đang phát triển	

49	Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đối với tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng những năm đầu thế kỷ XXI và đối sách của Việt Nam	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2018		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
50	Quan hệ Việt Nam với một số nước lớn những năm đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thị Quế	Việt Nam	2019		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
51	Xây dựng bản sắc thông qua chính sách văn hóa giáo dục: Kinh nghiệm của liên minh Châu Âu	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Âu	
52	Chiến lược triển khai “sức mạnh mềm” của Mỹ tại Đông Nam Á dưới chính quyền Barack Obama 2015	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	
53	Ảnh hưởng của Ấn Độ đối với quan điểm an ninh khu vực Đông Nam Á giai đoạn sau Thế chiến II	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	

54	Một số mô hình hoạt động thông tin đối ngoại trên thế giới	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2015		Văn minh thông và kinh tế tri thức	
55	Lịch sử thông cáo chung: Đổi mới của Việt Nam nhìn từ góc độ so sánh khu vực	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2016		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
56	Quan niệm và tiêu chí xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước lớn	Phạm Quang Minh Trần Bách Hiếu	Việt Nam	2017		Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	
57	Góp phần nhận diện sức mạnh mềm của Ấn Độ	Phạm Quang Minh Hồ Thị Diễm Thanh	Việt Nam	2017		Hợp tác giữa các nước đang phát triển	
58	Hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc trong Giáo dục đào tạo và gợi ý hợp tác trong thời đại 4.0	Phạm Quang Minh Nguyễn Thị Thu Hường	Việt Nam	2017		Hợp tác giữa các nước đang phát triển	
59	Ảnh hưởng của Cách mạng tháng 10 Nga đối với công cuộc đổi mới Việt Nam hiện nay	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2018		Cơ sở lí luận và thực tiễn của đường lối đối ngoại Việt Nam	

60	Chiến thắng Điện Biên Phủ nhìn từ góc độ quốc tế	Phạm Quang Minh Trần Viết Nghĩa	Việt Nam	2019		Cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối đối ngoại Việt Nam	
61	Not being Caught Between Two Giants; Yoichiro Sato and Tan See Seng (eds.)	Phạm Quang Minh	New York	2015		Hợp tác giữa các nước đang phát triển	
62	ASEAN's Indispensable Role in Regional Construction, Asia-Pacific Review, Routledge Taylor & Francis Group	Phạm Quang Minh	London	2015		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	
63	Democratization in Vietnam's Post - Đổi mới One - Party Rule: Change from Within, Change from the Bottom to the Top, and Possibilities; Globalization and Democracy in Southeast Asia;	Phạm Quang Minh	London	2015		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	
64	The Meaning of ASEAN in the Regional Security Architecture; China's Rise and Changing Order in East	Phạm Quang Minh	China	2016		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	

	Asia						
65	The Japanese "New Vietnamese" in Vietnam's Anti-French War (1945-1954); Vietnam - Indochina - Japan Relations during the Second World War: Document and Interpretations	Phạm Quang Minh		2017		Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh lạnh	
66	Les études européennes, un outil pour développer les relations entre le Vietnam et l'Union européennes; Relations Internationales	Phạm Quang Minh	Paris	2017		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Âu	
67	A Quasi Repeated History: Vietnam Between China and the US	Phạm Quang Minh	Paris	2017		Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thế kỷ XXI	
68	The Belt and Road and the World: Why China's initiative is a dilemma for Everyone	Phạm Quang Minh	Việt Nam	2017		Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thế kỷ XXI	

69	The Role of Japan in the new global and regional context	Phạm Quang Minh	Tokyo	2017		Hợp tác giữa các nước đang phát triển	
70	Vietnam's Composite Agenda on the Rise of China: Power, Peace and Party	Phạm Quang Minh Lê Hoàng Giang	China	2017		Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thế kỷ XXI	
71	International of Higher Education and The Implications for Vietnam – South Korea Relations	Phạm Quang Minh	Seoul	2018		Hợp tác giữa các nước đang phát triển	
72	Power Struggle in Mekong Region: The Role of Japan	Phạm Quang Minh	Hà Nội	2018		Hợp tác giữa các nước đang phát triển	
73	Liên minh kinh tế Á – Âu: quá trình hình thành và phát triển	Vũ Thụy Trang	Việt Nam	2018		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Âu	
74	Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ sau khủng hoảng Ukraine và những tác động	Vũ Thụy Trang	Việt Nam	2020		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Âu	

75	Ho Chi Minh's heritage in Vietnam and abroad, Lomonosov Moscow State University Publishing House	Vũ Thụy Trang	Việt Nam	2020		Xu hướng và vấn đề quan hệ quốc tế ở Châu Âu	
----	--	---------------	----------	------	--	--	--

IV. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Tiến sĩ Quan hệ quốc tế

STT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Ghi chú
1	Hợp tác khu vực của ASEAN và triển vọng tham gia của Việt Nam	Cấp Bộ	1998	Đạt	
2	Liên kết ASEAN đầu thế kỷ XXI	Cấp Bộ	2004	Đạt	
3	Hợp tác Á-Âu và triển vọng tham gia của Việt Nam	Cấp Nhà nước	2005	Đạt	
4	Một số vấn đề cơ bản về hợp tác ASEAN + 3	Cấp Bộ	2008	Đạt	
5	Phản ứng chính sách ASEAN và các nước thành viên đối với việc xây dựng cộng đồng ASEAN	Cấp Bộ	2009	Đạt	

6	Đông Nam Á trong thời kỳ Hậu Chiến tranh lạnh	Cấp Bộ	2010	Đạt	
7	Biến đổi địa – chính trị Đông Á thập niên đầu thế kỷ XXI và đối sách của Việt Nam	Cấp Nhà nước	2010	Đạt	
8	Vai trò của văn hóa trong phát triển ở Trung Quốc và một số nước Đông Á khác	Cấp Nhà nước	2010	Đạt	
9	Phát triển xã hội và quản lý phát triển ở Trung Quốc và một số nước Đông Á	Cấp Nhà nước	2010	Đạt	
10	Phát triển và quản lý phát triển tam giác phát triển CLV	Cấp Nhà nước	2011	Đạt	
11	Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với ASEAN và Trung Quốc (1991 – 2009)	Cấp Cơ sở	2012	Đạt	
12	Đóng góp của Nhật Bản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia giai đoạn 1991-2005	Cấp Bộ	2008	Đạt	
13	Công cuộc cải cách kinh tế ở CHND Trung Hoa từ 1978 đến nay và tác động của nó	Cấp Bộ	1998	Đạt	
14	Quan hệ Trung Quốc – Nhật Bản giai đoạn 1975-2000	Cấp Bộ	2002	Đạt	
15	Quan hệ Mỹ - Nhật giai đoạn 1975 – 1997	Cấp Bộ	2005	Đạt	

16	Chính sách tăng trưởng xanh ở các nước Indonesia, Malaysia, Philippine và Thái Lan trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu	Cấp Nhà nước	2015	Đạt	
17	Văn học Quảng Nam thế kỷ XXI	Cấp Tỉnh	2011	Đạt	
18	Các giải pháp thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Quảng Nam từ năm 2012 đến 2020	Cấp Tỉnh	2012	Đạt	
19	Phong trào Duy Tân ở Quảng Nam trong thế kỷ XX	Cấp Tỉnh	2016	Đạt	
20	Quan hệ an ninh – chính trị, kinh tế giữa Việt Nam với Campuchia (1993 – 2007)	Cấp cơ sở	2011	Đạt	
21	Myanmar trong chính sách đối ngoại của Mỹ	Cấp cơ sở	2014	Đạt	
22	Việt Nam trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ	Cấp cơ sở	2015	Đạt	
23	Quan hệ Việt Nam – Campuchia đầu thế kỷ XXI	Cấp cơ sở	2015	Đạt	
24	Hợp tác an ninh – chính trị tại khu vực Đông Bắc Á	Cấp cơ sở	2016	Đạt	
25	Đông Nam Á trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ	Cấp cơ sở	2016	Đạt	

26	Quan hệ ASEAN – Trung Quốc: Quá trình, thành tựu và những vấn đề đặt ra	Cấp cơ sở	2016	Đạt	
27	Chiến lược xoay trục về châu Á của Hoa Kỳ	Cấp cơ sở	2017	Đạt	
28	Văn hóa ngoại giao: những xu hướng mới	Cấp cơ sở	2017	Đạt	

4.2. Các hướng nghiên cứu đề tài Luận án, dự kiến người hướng dẫn kèm theo và số lượng Nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn Nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, học hàm của người có thể hướng dẫn Nghiên cứu sinh	Số lượng Nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận
1	EU, NATO và Liên Bang Nga	TS Bùi Hồng Hạnh PGS TS Nguyễn An Hà (Viện Châu Âu) TS Bùi Thành Nam	2
2	Ấn Độ và Nam Á	TS Võ Xuân Vinh (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á)	1
3	Đông Nam Á và Đông Bắc Á	TS Phạm Hồng Thái TS Nguyễn Quý Long TS Nguyễn Thị Thu Mỹ	1

		PGS TS Trần Khánh TS Nguyễn Huy Hoàng	
4	Quan hệ quốc tế và hội nhập khu vực ở Châu Mỹ	PGS TS Nguyễn Thị Thanh Thủy	1
5	Quan hệ quốc tế và hợp tác khu vực ở Châu Phi	PGS TS Nguyễn Thị Thanh Hiền (Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông)	1
6	Cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột tôn giáo sắc tộc ở Trung Đông	PGS TS Đỗ Đức Định	1
7	An ninh và xung đột tôn giáo sắc tộc trên thế giới thập niên đầu thế kỷ XXI	PGS TS Chính trị học Thái Văn Long (Viện Quan hệ quốc tế - Học viện Chính trị Quốc gia HCM)	1
8	Hợp tác quốc tế trong việc đối phó với các vấn đề phi truyền thống (môi trường, vũ khí, buôn lậu trẻ em..v.v.)	PGS TS Hoàng Khắc Nam	1
9	Luật quốc tế: những vấn đề sau chiến tranh lạnh	TS Vũ Anh Thư (Khoa Quốc tế học, Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia HN)	1
10	Ngoại giao văn hóa	TS Hoàng Thị Hường TS Phạm Lê Dạ Hương	1

11	Quan hệ kinh tế quốc tế sau chiến tranh lạnh	PGS TS Hoàng Thị Thanh Nhân TS Bùi Thanh Nam	1
12	Quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương sau chiến tranh lạnh	PGS TS Trần Khánh TS Phạm Quang Minh TS Trần Xuân Hiệp	1
13	Quan hệ Mỹ - Trung: Quá trình và các vấn đề	TS Nguyễn Xuân Cường (Viện Nghiên cứu Trung Quốc) PGS TS Nguyễn Thanh Thủy (Khoa Quốc tế học)	1
14	Sự trỗi dậy của Trung Quốc và tác động của nó đến an ninh và phát triển khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	TS Nguyễn Xuân Cường PGS TS Nguyễn Thị Thu Mỹ	1
15	Vấn đề hạt nhân ở Bắc Triều Tiên và tác động của nó tới an ninh khu vực	PGS TS Nguyễn Thị Thu Mỹ TS Phạm Hồng Thái	1
16	Các tổ chức hợp tác an ninh khu vực mới xuất hiện từ sau khi chiến tranh lạnh kết thúc	PGS TS Nguyễn Thị Thu Mỹ	1
17	Quan hệ ASEAN với các đối tác đối thoại trong	TS Võ Xuân Vinh	1

	nhung thập niên đầu thế kỷ XXI	TS Đàm Huy Hoàng TS Lê Lêna PGS TS Trần Khánh	
19	Chính sách và quan hệ đối ngoại của Việt Nam	TS Nguyễn Thị Quế TS Hoàng Văn Đồng TS Phạm Quang Minh	1
20	Vấn đề Biển Đông trong quan hệ quốc tế ở Châu Á – Thái Bình Dương	TS Hoàng Thế Anh(Viện Nghiên cứu Trung Quốc) PGS TS Trần Khánh	1
21	Tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải ở Đông Á những thập niên đầu thế kỷ XXI	TS Phạm Hồng Thái TS Nguyễn Xuân Cường PGS TS Trần Khánh	1
22	Vấn đề độc lập của Đài Loan và tác động của nó tới an ninh khu vực Đông Bắc Á	TS Đàm Huy Hoàng PGS TS Nguyễn Thị Thu Mỹ	1
23	Hội nhập kinh tế khu vực ở Đông Á	TS Nguyễn Huy Hoàng (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông Nam Á)	1

		PGS TS Hoàng Khắc Nam	
24	An toàn hàng hải: Thực trạng và các vấn đề	PGS TS Hoàng Khắc Nam TS Lê Lêna	1
25	Luật biển quốc tế và vai trò của nó trong giải quyết tranh chấp biển đảo	TS Vũ Anh Thư TS Nguyễn Thanh Minh PGS TS Hoàng Phước Hiệp (Khoa Luật, ĐHQGHN)	1

4.3. Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu thuộc ngành Tiến sĩ Quan hệ quốc tế

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
1	Chiến lược công nghiệp hóa hướng ra xuất khẩu: Kinh nghiệm của Thái	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 1, 1990	
2	Vietnam – Thailand Relations in eyes of Social Scientists	Nguyễn Thu Mỹ	Newspaper “Vietnam Courier”, No.19, May, 1991	
3	Chính sách biển Đông dương từ chiến trường thành thị trường và tác động của nó tới quan hệ Thái Lan – Đông dương	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 4, 1991	

4	Quan hệ kinh tế Việt Nam và Thái Lan: Thực trạng và triển vọng	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Số 2, 1992	
5	Việt Nam và tiến trình hội nhập khu vực ở Đông Nam Á	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số đặc biệt, 1994	
6	Khả năng hợp tác kinh tế giữa ASEAN- Nhật Bản	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản, Số 2, 1995	
7	Tiếp cận mới của Việt Nam đối với ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 2, 1995	
8	ASEAN – EU Cooperation: Situation and Prospects	Nguyễn Thu Mỹ	Southeast Asian Studies Review, No.4, 1996	
9	From ASEAN 6 to ASEAN 7” Opportunities or Challenges	Nguyễn Thu Mỹ	Newsletter, No. 5 Nordic Institute of Asian studies, Copenhagen, 1997	
10	ASEAN: Hướng tới Tầm nhìn 2020	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Số 5, 1999	
11	AFTA và việc triển khai nó ở các nước thành viên gốc của ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 5, 1999	
12	ASEM: Tiến trình và Triển vọng	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 2001	

13	Vietnam and ASEAN Lessons of development	Nguyễn Thu Mỹ	Vietnam Social Science, No.2, 2001	
14	Diễn đàn khu vực ASEAN: Quá trình thành lập	Nguyễn Thu Mỹ	Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 3, 2001	
15	ASEAN: Những đóng góp đối với hòa bình và an ninh khu vực	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 5, 2002	
16	ASEAN: Những cơ hội hợp tác chính trị - an ninh trong những năm đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 3, 2003	
17	Vietnam's Policy toward ASEAN in the Post Cold War Period. Vietnam's Social Science .No.3/2003	Nguyễn Thu Mỹ	Vietnam'Social Sciences. No.3, 2003	
18	Diễn đàn khu vực ASEAN: Thành tựu và hạn chế sau 10 năm hoạt động	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Số 4, 2004	
19	Triển vọng hợp tác Á – Âu trong những năm đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 5, 2004	
20	ASEM – 5, bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của tiến trình hợp tác	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. Số 1(8), 2005	

	Á-Âu			
21	Việt Nam với sự phát triển của ASEAN: 10 năm nhìn lại	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Cộng sản , Số 14/ Tháng 7, 2005	
22	Hợp tác Đông Á: Những thành tựu sau thành lập	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 6, 2005	
23	ASEM: Những thách thức từ sự mở rộng	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương. Số 8(99). Tuần từ 20-26/2/2006	
24	ASEM: Những kịch bản phát triển trong những năm sắp tới	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Cộng sản Số 11, 2006	
25	Trung Quốc và hợp tác Đông Á	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Số 4, 2006	
26	Cộng đồng an ninh ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 6, 2006	
27	Quá trình phát triển quan hệ ASEAN – Trung Quốc	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 5, 2006	
28	15 năm quan hệ ASEAN – Trung Quốc: Nhìn lại và Triển vọng	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Số 6, 2006	

29	Môi trường an ninh Đông Á những năm đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 6, 2007	
30	Vai trò của Trung Quốc trong tiến trình hợp tác ASEAN + 3	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 8, 2007	
31	ASEAN Regional Economic integration and its impact on Vietnam –Taiwan Economic Relations	Nguyễn Thu Mỹ	Asia –Pacific Forum, No.34 September 2007	
32	Quan điểm và nhận thức của các nước ASEAN về cộng đồng ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Thông tin Nghiên cứu quốc tế Số tháng 8/2008	
33	Vai trò của ASEAN trong hợp tác ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 6, 2008	
34	Cộng đồng ASEAN trong nhận thức và quan điểm của Việt Nam	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 6, 2009	
35	Quan điểm và phản ứng của ASEAN trước trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thu Mỹ	Thông tin Nghiên cứu quốc tế, Viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Số 3-4, 2009	
36	Xây dựng tam giác phát triển Ấn-ô-nê-xia – Malaixia-Xingapo: Những kinh	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 2,	

	nghiệm cho Tam giác CLV		2010	
37	Xây dựng Cộng đồng Đông Á: Những thành tựu bước đầu và những vấn đề đặt ra	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 1, 2007	
38	Quá trình hình thành và tiến triển của ý tưởng Hợp tác Đông Á	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 3, 2007	
39	Đông Nam Á trong chiến lược toàn cầu của Mỹ sau sự kiện 11/09/2001	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Số 5, 2007	
40	Phản ứng chính sách của ASEAN trước sự biến đổi địa – chính trị Đông Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Số 4, 2010	
41	Hợp tác Nhật Bản – ASEAN trong quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 11, 2010	
42	Hợp tác Trung Quốc – ASEAN trong quá trình xây dựng cộng đồng	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Số 7, 2010	
43	Hợp tác ASEAN và Mỹ trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Thông tin nghiên cứu quốc tế. Viện quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh , Số 2, 2010	

44	Xây dựng khu mậu dịch tự do ASEAN-Trung quốc: Quá trình và những kết quả bước đầu	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc , Số 10 (110), 2010	
45	Phân tích hoạt động và chính sách của Mỹ đối với vấn đề chủ quyền ở Biển Đông	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Khoa học quân sự Số 12 (138), 2010	
46	Phản ứng chính sách của Trung Quốc đối với sự hiện diện của Mỹ ở Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Số 7/2011	
47	Nhật Bản và cuộc tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Giáo dục lý luận , Số 1/2011	
48	Tình hình xây dựng cộng đồng chính trị – an ninh ASEAN (APSC) từ 2003 tới nay	Nguyễn Thu Mỹ	Thông tin nghiên cứu quốc tế, Số 1-3/2011	
49	Quan điểm và phản ứng chính sách của Trung Quốc đối với sự hiện diện của Mỹ ở Đông Nam Á	Nguyễn Thu Mỹ	Thông tin Nghiên cứu quốc tế , Số 1-3/2011	
50	Chính sách phát triển nguồn lực con người của Malaixia từ những năm 1970	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí giáo dục lý luận, Số 8, 2011	

	tới nay			
51	Hai mươi năm quan hệ ASEAN – Trung Quốc: Thành tựu và những vấn đề	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung quốc, Số 11, 2011	
52	Cạnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Mỹ ở Đông Nam Á và tác động của nó tới quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 11, 2011	
53	Tác động của CAFTA đối với ASEAN 6 sau hai năm thực hiện	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, Số 6(130), 2012	
54	Nhật Bản và sự trỗi dậy của Trung Quốc	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Quan hệ Quốc phòng, Số 19. Quý 3/2012	
55	Đánh giá việc thực hiện các cam kết xây dựng bản sắc ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí đối ngoại, Số 9 (35) tháng 9/2012	
56	Về kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí đối ngoại (Ban Đối ngoại Trung ương) Số 11 (37) tháng 11/2012	
57	Tiếp tục làm sâu sắc hơn quan hệ ASEAN – Trung Quốc hướng tới Cộng	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí đối ngoại (Ban Đối ngoại Trung ương) Số 11/2013	

	đồng ASEAN năm 2015			
58	Cạnh tranh ảnh hưởng giữa Mỹ và Trung Quốc tại Myanmar từ năm 2009 đến nay	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Quan hệ quốc phòng, số 33/2016	
59	Đổi sách của Singapore trước sự trỗi dậy của Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 12/2016	
60	25 năm quan hệ ASEAN – Trung Quốc: Thành tựu, hạn chế và triển vọng	Nguyễn Thu Mỹ	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10/2016	
61	Chính sách của Hàn Quốc đối với Nhật Bản trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao từ 1998 đến 2012	Hoàng Thị Minh Hoa	Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản & Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản) (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), 2015	
62	Sự chuyển biến trong quan hệ Ấn Độ - ASEAN từ thập niên cuối thế kỷ XX – Thành tựu và nguyên nhân	Hoàng Thị Minh Hoa, Lê Thị Quý Đức	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, 2015	
63	Chính sách của Hàn Quốc với Bắc Triều Tiên giai đoạn 1991 – 2010	Hoàng Thị Minh Hoa, Phan Thị Anh Thư	Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản & Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản) (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), 2015	

64	Việt Nam trong chính sách “xoay trục” sang châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI	Hoàng Thị Minh Hoa, Nguyễn Tuấn Bình	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “20 năm quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ (1995 – 2015)”, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, tháng 11/2015	
65	Quan hệ kinh tế Trung Quốc – khu vực Mỹ Latinh và vùng Caribbean thập niên đầu thế kỷ XXI	Hoàng Thị Minh Hoa	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, 2015	
66	Tính linh hoạt trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ - Cơ sở quan trọng cho sự phát triển Ấn Độ thập niên giữa thế kỷ XX – đầu thế kỷ XXI”	Hoàng Thị Minh Hoa, Lê Thị Quý Đức	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Giá trị của Ấn Độ ở châu Á”, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12/2015	
67	Việt Nam trong chính sách “Xoay trục” sang Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI	Hoàng Thị Minh Hoa, Nguyễn Tuấn Bình	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “20 năm quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ: Thành tựu và triển vọng” (1995 – 2015), Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Ngoại Ngữ (Đại học Huế), Hội Hữu nghị Việt Nam – Hoa Kỳ tỉnh Thừa Thiên Huế, 2015	
68	Chính sách của Ấn Độ đối với Đông Bắc Á đầu thế kỷ XXI – Những thành	Hoàng Thị Minh Hoa, Nguyễn Tuấn	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á (Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam	

	tự và một số vấn đề gay cấn	Bình	Á), 2014	
69	Myanmar trong chính sách tái cân bằng của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương	Hoàng Thị Minh Hoa, Nguyễn Tuấn Bình	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á (Viện Đông Nam Á), 2014	
70	Myanmar in India’s Look East Policy	Hoàng Thị Minh Hoa, Nguyễn Tuấn Bình	Proceedings of The 3 rd International Conference on Language, Society, and Culture in Asian Contexts (LSCAC 2014) on “Asian Dynamics: Prospects and Challenges” July 10-11, 2014 at Mahasarakham University, Thailand, 2014	
71	Chính sách đối ngoại của Pháp đối với châu Á sau chiến tranh lạnh và vị thế của Việt Nam	Hoàng Thị Minh Hoa	Kỷ yếu Hội nghị khoa học sau đại học lần thứ 2, Huế, Tháng 10/2014	
72	Myanmar trong chính sách “quay trở lại” châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ những năm gần đây	Hoàng Thị Minh Hoa, Nguyễn Tuấn Bình	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Vai trò của Mỹ trong trật tự mới ở châu Á – Thái Bình Dương: Thực trạng và dự báo”, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2013	

73	Quan hệ kinh tế Nhật Bản – Việt Nam (2001 – 2011): Thành tựu và những vấn đề đặt ra	Hoàng Thị Minh Hoa	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “40 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản: Thành quả và triển vọng”, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2009	
74	Chính sách của Hàn Quốc đối với Nhật Bản trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao từ 1998 đến 2012	Hoàng Thị Minh Hoa	Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản & Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản) (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), 2009	
75	Nâng cao vai trò chính trị của Nhật Bản hai thập niên sau Chiến tranh lạnh và tác động đến quan hệ Nhật Bản – Việt Nam	Hoàng Thị Minh Hoa	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “40 năm quan hệ Việt Nam – Nhật Bản: Thành tựu và triển vọng”, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2013	
76	Việt Nam trong chính sách xoay trục sang châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI	Hoàng Thị Minh Hoa	Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “20 năm quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ: Thành tựu và triển vọng (1995 - 2015)”, Đại học Huế & Hội hữu nghị Tỉnh Thừa Thiên Huế, 2013	

77	Myanmar in India's Look East Policy	Hoàng Thị Minh Hoa	The 3 rd International Conference in Asian Contexts' on Asian Dynamics: Propects and Challenges, 2014	
78	Myanmar trong chính sách tái cân bằng của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương	Hoàng Thị Minh Hoa	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2, 2014	
79	Quan hệ quốc tế thời hiện đại	Hoàng Thị Minh Hoa, Lê Văn Anh	NXB Đại học Huế, 2016	
80	Nhật Bản với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, Lào và Campuchia	Hoàng Thị Minh Hoa	NXB Chính trị quốc gia, 2010	
81	Cải cách ở Nhật Bản trong những năm 1945 – 1951	Hoàng Thị Minh Hoa	NXB Khoa học Xã hội, 1999	
82	Quan hệ thương mại Việt Nam – Campuchia những năm cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI	Hoàng Thị Minh Hoa	Tạp chí những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, 2008	
83	Nhật Bản với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, Lào và Campuchia	Trần Xuân Hiệp	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010	
84	Quan hệ an ninh – chính trị Việt Nam với Lào và Campuchia giai đoạn 1991 đến nay	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 (410), 2010	

85	Về quá trình phát triển và vai trò của Phật giáo ở vương quốc Lanna (thế kỷ XIII – XVI)	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 7 (85), 2010	
86	Quan hệ kinh tế Nhật Bản – Lào (1991 – 2007)	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2 (108), 2010	
87	Quan hệ giữa đế quốc Ottoman và đế quốc Byzantine (1299 – 1453)	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 12 (123), 2010	
88	Quan hệ Việt Nam – Campuchia (1993 – 2008)	Trần Xuân Hiệp	<i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế Quan hệ Việt Nam – Asean – Taiwan.</i> ĐH Huế - ĐH Chinan (Đài Loan) – Đại học Khoa học Huế - Viện nghiên cứu Đông Nam Á, 2011	
89	Quan hệ an ninh – chính trị, kinh tế giữa Việt Nam với Campuchia (1993 – 2007)	Trần Xuân Hiệp	Đề tài cấp trường, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, 2011	
90	Tài liệu của Hồ Chí Minh – nguồn tri thức quan trọng để tạo biểu tượng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	Trần Xuân Hiệp	<i>Kỷ yếu hội thảo Quốc gia: Một thế kỷ Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.</i> ĐH Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh, 2011	
91	Phong trào đấu tranh của quân và dân ta	Trần Xuân Hiệp	Thông tin Khoa học quân sự, Quân khu V, số 56/ Kỷ yếu HNKH 17 năm thành	

	tại quân cảng Đà Nẵng (1954 – 1975)		lập ĐH Duy Tân, 7/2011	
92	Văn hóa dân tộc Cotu ở huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng với việc phát triển du lịch	Trần Xuân Hiệp	<i>Kỷ yếu hội thảo Quốc gia: Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam Trun Bộ. – Tây Nguyên, Bộ Khoa học&Công nghệ - UBND tỉnh Quảng Nam, 2011</i>	
93	Hợp tác thương mại và đầu tư Việt Nam – Campuchia (1998 – 2010)	Trần Xuân Hiệp	<i>Hội thảo Quốc tế: Hội nhập: Hợp tác và cạnh tranh. ĐH Thương mại & CĐ Kinh tế Tp.HCM, NXB Thống Kê, 2011</i>	
94	Vai trò của giai cấp quý tộc tư sản hóa trong tiến trình Minh Trị duy tân	Trần Xuân Hiệp	<i>Hội thảo quốc tế: So sánh phong trào “Văn minh hóa” ở Việt Nam và Nhật Bản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX . ĐH KHXH&NV,ĐH Quốc gia Tp.HCM & Japan Foundation, 2011</i>	
95	Di sản văn hóa với việc phát triển du lịch bền vững ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ trong bối cảnh hiện nay	Trần Xuân Hiệp	<i>Hội thảo Quốc gia: Phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội khu vực duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Đại học Kinh tế Đà Nẵng, 2011</i>	
96	Kỷ yếu Hoàng Sa	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Lịch sử quân sự, số 242 (2/1012), 2012	

97	Về quá trình từ khởi đầu tới thời kì vàng son của Vương quốc cổ Lan Na	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí ĐH Sài Gòn số 09 (4/2012), 2012	
98	Vietnam-Cambodia cooperation in Greater Mekong Sub-Region	Trần Xuân Hiệp	<i>“The Fifth SNRU International Conference on Cooperation for Development on the East – West Economic Corridor: Cooperation Networks for Sustainable Development towards ASEAN Community”</i> . Sakon Nakhon Rajabhat University, Thailand, 2012	
99	Tìm hiểu về thi võ dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí KH&CN ĐH Duy Tân số 3 (4), 2012	
100	Việt Nam với hợp tác, liên kết trong Tam giác phát triển	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 10 (151), 2012	
101	Quan hệ kinh tế Việt Nam – Hàn Quốc (2000 – 2010)	Trần Xuân Hiệp	<i>Hội thảo Quốc tế: Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc: 20 năm và triển vọng tương lai</i> . Đại học Kinh tế Đà Nẵng – Viện nghiên cứu Chính sách kinh tế Hàn Quốc – Viện nghiên cứu Kinh tế và Chính trị Thế giới, 2012	

102	Kinh tế Hàn Quốc (2001 – 2010) và những kinh nghiệm đối với Việt Nam	Trần Xuân Hiệp	<i>Internationnal Conference Vietnam – Korea Relationship In the Past, the Present and the Future.</i> ĐHKHXH&NV, Tp.HCM & Viện Hàn lâm về Hàn Quốc học (The Academe of Korean Studies), 2012	
103	Hợp tác an ninh – quốc phòng Việt Nam – Campuchia đầu thế kỷ XXI	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 3 (3), 2012	
104	Hợp tác Giao thông vận tải Việt Nam – Campuchia trong giai đoạn hiện nay	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, số 1 (2), 2013	
105	Hợp tác du lịch Campuchia – Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (155), 2013	
106	Campuchia trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 5 (06), 2013	
107	Sự du nhập và phát triển Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII – XVIII: Nhìn từ phương diện tiếp xúc văn hóa	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học & Giáo dục, số 6 (01)/2013, Đại học Sư phạm Đà Nẵng, , 2013	
108	Mĩ – Cambodia – Trung Quốc và những	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm TP.Hồ	

	tác động từ mối quan hệ này		Chí Minh, số 46 (80), 2013	
109	Hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam – Campuchia những năm đầu thế kỷ XXI	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí KH&CN ĐH Duy Tân, số 3 (8), 2013	
110	The status of the value of lifestyle-oriented of students and educational measures (case studies students of Thua Thien Hue Pedagogical College, Vietnam)	Trần Xuân Hiệp	The 6 th International Conference on Educational Research (ICER 2013), Khon Kaen University, Thailand, 2013	
111	Education and training cooperation Vietnam – Cambodia in the current period	Trần Xuân Hiệp	<i>The International Conference on Interdisciplinari Research and Development (ICRD 2013) in ASEAN Universities, Maejo University, Chiang Mai, Thailand, 2013</i>	
112	Tham gia vào tiến trình hòa bình Campuchia – Sự thể hiện chính sách ngoại giao độc lập và đúng đắn của Nhật Bản đầu những năm 90 của thế kỷ XX	Trần Xuân Hiệp	Hội thảo Quốc tế lần thứ 2: “ <i>Giảng dạy tiếng Nhật và nghiên cứu Nhật Bản tại Việt Nam: Quá khứ - hiện tại – tương lai</i> ” Đại học Hà Nội & Japan Foundation, 2013	
113	Hợp tác Việt Nam – Campuchia trong tiểu vùng sông Mekong mở rộng	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng, số 8(03), 2013	

114	Hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam – Campuchia (1993 – 2010)	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Đại học Sài Gòn, số 17 (11/2013), 2013	
115	Education and training cooperation Vietnam – Cambodia in the current period	Trần Xuân Hiệp	The Journal of Interdisciplinary Networks, Volume 2 (Special Issue), No.1, The Royal Institute of Thailand, 2013	
116	Sách: 7 Kỳ quan thế giới cổ đại	Trần Xuân Hiệp	NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2013	
117	Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ thập niên đầu thế kỷ XXI	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 2 (15) tháng 2/2014	
118	Hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong lĩnh vực y tế (1993 – 2010)	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, 2014	
119	Hợp tác Việt Nam – Campuchia: Những thành tựu trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học & Giáo dục, ĐH Sư phạm Đà Nẵng, số 10 (01), 2014	
120	Quan hệ Việt Nam – Campuchia từ sau Chiến tranh lạnh đến nay	Trần Xuân Hiệp	NXB Khoa học Xã hội, 2014	
121	Hợp tác thương mại Việt Nam – Campuchia những năm đầu thế kỷ XXI	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 10 (23), 2014	

122	Công tác khảo hạch đội ngũ quan lại dưới triều Nguyễn (1802 – 1885)	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học & Giáo dục, ĐH Sư phạm Đà Nẵng, số 15 (02), 2015	
123	Hợp tác thương mại và đầu tư Ấn Độ - Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 4 (29), 2015	
124	Lịch sử văn minh thế giới: 178 câu hỏi tự luận và trắc nghiệm	Trần Xuân Hiệp	NXB Thông tin và Truyền thông, 2015	
125	Tiến trình xây dựng cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN: Thực trạng và triển vọng	Trần Xuân Hiệp	Hội thảo KHQT “Cộng đồng ASEAN sau 2015: Cơ hội và Thách thức”. Viện NC Đông Nam Á – Đại học Duy Tân – Tổ chức Đường đến ASEAN P2A đồng tổ chức, 2015	
126	Xây dựng bản sắc ASEAN: Quá trình và những kết quả bước đầu	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (181), 2015	
127	Vai trò của biển đối với cư dân người Việt trong lịch sử và giải pháp phát huy giá trị của biển đảo	Trần Xuân Hiệp	Hội thảo quốc gia: “Văn hóa biển đảo – Nguồn lực phát triển bền vững”. ĐH Văn hóa Hà Nội – ĐH Quảng Bình – ĐH Văn hóa TP.HCM đồng tổ chức, 2015	
128	Giảng dạy học phần Lịch sử văn minh thế giới ở trường đại học	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ĐH Duy Tân, số 1 (14), 2015	

129	Vị trí của Việt Nam trong “Chính sách hướng đông” của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI	Trần Xuân Hiệp	HTKHQT: “Hợp tác phát triển Việt Nam, ASEAN - Ấn Độ: Thực trạng và triển vọng”. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2015	
130	Định hướng giá trị lối sống của sinh viên và các biện pháp giáo dục: Một nghiên cứu trường hợp	Trần Xuân Hiệp	Tuyển tập chuyên khảo: Giáo dục và phát triển. NXB Đại học Quốc gia HCM, 2014	
131	Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI	Trần Xuân Hiệp	HTKH: “20 năm quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ: Thực trạng và triển vọng”. ĐH Sư Phạm Huế - ĐH Khoa học Huế - ĐH Ngoại ngữ Huế - Hội Hữu nghị Việt Nam – Hoa Kỳ tỉnh TT. Huế, 2015	
132	Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những tác động đối với khu vực Đông Nam Á	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học Đại học Quảng Nam, số 7, 2015	
133	Quan hệ Việt Nam – Campuchia từ đầu thập niên 1990 của thế kỷ XX đến nay	Trần Xuân Hiệp	Hội thảo KHQT: “Thực trạng và triển vọng ứng dụng mô hình quản lý dựa vào cộng đồng ở Việt Nam và Campuchia”. Viện Kinh tế Chính trị - Viện HLKHXH Việt Nam, 2015	

134	Sự trỗi dậy của Ấn Độ: Xu thế và tác động	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 2, 2016	
135	Tình hình kinh tế - xã hội Đà Nẵng trong giai đoạn 1954 – 1965	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí KH&CN Đại học Duy Tân, số 2 (21) 2017	
136	Quan hệ kinh tế Việt Nam – Thái Lan từ năm 1995 đến nay	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (205), 2017	
137	Quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ: Thực trạng và tác động	Trần Xuân Hiệp	HTKHQT: Việt Nam - Ấn Độ: 40 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược, Học viện Chính trị Quốc gia HCM & Đại sứ quán Ấn Độ, NXB Lý luận chính trị, 2017	
138	ASEAN – Trung Quốc và những tác động từ mối quan hệ này	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 8 (57), 2017	
139	Quan hệ đối thoại ASEAN – Trung Quốc: Nguyên nhân, quá trình và ý nghĩa	Trần Xuân Hiệp	Tạp chí Khoa học & Giáo dục, Đại học Sư phạm Đà Nẵng số 23 (02), 2017	

140	A study in the Korean Language and Culture Education in Vietnam	Bùi Kim Luận	Journal of the International Network Korean Language and Culture, Vol 11, Number 2, 2014	
141	A study on the state and development policy of Marine tourism in Vietnam	Bùi Kim Luận	Journal of Culture & Research, Vol 17, Number 1, 2015	
142	A study on Human Resources Development of Korean Tour Guide in Vietnam: In case of Danang City	Bùi Kim Luận	Journal of Culture & Tourism Research, Vol 17, Number 2, 2015	
143	The Effects of Tourist Motivation of Eco-tourists on Destination Choice Attributes and Tourist Attitude	Bùi Kim Luận	International Journal of Tourism and Hospitality Research, Vol 30, Number 9, 2015	
144	Nghiên cứu sự biến đổi và phát triển của người Kinh tại Giang Bình, TP. Đông Hùng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc dưới góc độ quan hệ quốc tế	Nguyễn Thanh Sinh	Luận án Tiến sĩ Quan hệ quốc tế, ĐH Vân Nam, Trung Quốc, 2017	
145	Quan hệ ASEAN – Trung Quốc và những tác động đến hai chủ thể	Nguyễn Thanh Sinh	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á, số 09, 2017	
146	Biển Đông trong chính sách đối ngoại của Mỹ	Nguyễn Thanh Sinh	Tạp chí KH&CN Đại học Duy Tân, số 05, năm 2017	

147	Thực trạng và giải pháp nhằm phát huy vai trò của thành phố Đà Nẵng trong hoạt động thông tin đối ngoại	Nguyễn Hữu Cát	Bản tin Nghiên cứu quốc tế, 2015	
148	Đẩy mạnh hoạt động thông tin đối ngoại theo tinh thần Đại hội XII	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lý luận chính trị, 2016	
149	Ngày quốc tế lao động 1-5: Hành trình lịch sử và ý nghĩa thời đại	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Cộng sản, 2016	
150	Quan hệ Việt Nam với ASEAN với các nước láng giềng trên lĩnh vực quốc phòng – an ninh	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lịch sử Đảng, 2016	
151	Thúc đẩy vai trò của truyền thông trong hoạt động giao lưu văn hóa Việt Nam – Nhật Bản	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí thông tin đối ngoại, 2016	
152	Các giải pháp đột phá để tiếp tục thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội theo tinh thần Đại hội XII	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, 2016	

153	Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân theo tinh thần Đại hội XII của Đảng	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí thông tin đối ngoại, 2016	
154	Thuận lợi, khó khăn của kinh tế Việt Nam khi gia nhập TPP	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Thông tin khoa học chính trị, 2016	
155	Ứng xử với các nước lớn từ kinh nghiệm ngoại giao những ngày đầu độc lập (1945 - 1946)	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lý luận chính trị, 2016	
156	Cách mạng sắc màu” trên thế giới và những đối sách cần thiết của Việt Nam	Nguyễn Hữu Cát	Hội thảo Việt Nam học lần thứ 5, 2016	
157	20 năm hợp tác Việt Nam – ASEAN về môi trường (1996-2016)	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, 2016	
158	Quá trình điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ và tác động đến mối quan hệ Việt Nam - Ấn Độ	Nguyễn Hữu Cát	Hội thảo quốc tế “Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới”, 2016	
159	Thúc đẩy vai trò của truyền thông trong hoạt động giao lưu văn hóa Việt Nam –	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí thông tin đối ngoại, 2016	

	Nhật Bản			
160	Ứng xử với các nước lớn từ kinh nghiệm ngoại giao những ngày đầu độc lập (1945 - 1946)	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lý luận chính trị, 2016	
161	Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Thông tin đối ngoại, 2016	
162	20 năm Việt Nam hợp tác về môi trường với các nước ASEAN	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Đông Nam Á, 2016	
163	Đẩy mạnh hoạt động thông tin đối ngoại theo tinh thần Đại hội XII của Đảng	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lý luận chính trị điện tử, 2016	
164	Quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc, thành tựu và những vấn đề đặt ra	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Khoa học chính trị, 2017	
165	“Cách mạng sắc màu” và giải pháp phòng, chống	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lý luận chính trị, 2017	

166	Tác động chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với quan hệ Việt Nam -Ấn Độ từ sau chiến tranh lạnh đến nay	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lịch sử Đảng, 2017	
167	Một số điểm mới trong phong trào cộng sản quốc tế hiện nay	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Cộng sản, 2017	
168	Các giải pháp phát huy nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Mặt trận, 2017	
169	“Cách mạng sắc màu” – Một số góc nhìn lý luận và thực tiễn	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Trung Đông – châu Phi, 2017	
170	APEC và những đóng góp của Việt Nam	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lý luận Chính trị, 2017	
172	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập quốc tế trong công cuộc đổi mới hiện nay	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Thông tin đối ngoại, 2018	
173	Một số giải pháp thực hiện hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Thông tin đối ngoại, 2018	

	hình mới			
174	Đánh giá bước đầu về quyết định của tổng thống Mỹ Donald Trump đối với Jerusalem	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí nghiên cứu Châu Phi – Trung Đông, 2018	
175	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người trong công cuộc đổi mới đất nước	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Mặt trận, 2018	
176	Về cuộc khủng hoảng chính trị ở Maldives hiện nay	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á, 2018	
177	Trung Quốc thực hiện chính sách đối ngoại và các tác động tới khu vực châu Á – Thái Bình Dương	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Lý luận Chính trị, 2018	
178	Quan hệ giữa một số nước lớn xung quanh vấn đề IS	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí nghiên cứu Châu Phi – Trung Đông, 2018	
179	Cải cách Hiến pháp - Bước ngoặt của Cuba	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Mặt trận, 2018	

180	Phát huy nguồn lực con người trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam hiện nay	Nguyễn Hữu Cát	T/c Thông tin Khoa học chính trị, 2019	
181	Vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của nông dân trong xây dựng nông thôn mới	Nguyễn Hữu Cát	Tạp chí Mặt trận, 2019	
182	Tăng cường mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Hữu Cát	T/c Thông tin Khoa học chính trị, 2019	
183	Chính sách của một số quốc gia đối với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và tác động đến Việt Nam	Nguyễn Hữu Cát	T/c Khoa học chính trị, 2019	
184	Một số tác động của nhà nước Hồi giáo tự xưng IS và cảnh báo đối với Việt Nam	Nguyễn Hữu Cát	T/c Lý luận chính trị, 2019	
185	Mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay:	Hoàng Văn Đồng	Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, 2015	

	Những vấn đề lý luận và thực tiễn			
186	Mô thức quan hệ Đảng cầm quyền với Nhà nước ở một số quốc gia trên thế giới	Hoàng Văn Đồng	Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, 2018	
187	Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên gắn với thực hiện nghị quyết trung ương 4 (khóa XII) trong Đảng bộ Cảnh sát biển	Hoàng Văn Đồng	Tạp chí Cảnh sát biển Việt Nam, 2017	
188	Nhận diện, đấu tranh, ngăn ngừa hành vi lợi dụng internet, mạng xã hội để tuyên truyền xuyên tạc về tình hình biển Đông và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	Hoàng Văn Đồng	Tạp chí Cảnh sát biển Việt Nam, 2019	
189	Công tác Đảng, công tác Chính trị trong xây dựng lực lượng Cảnh sát biển tinh, gọn , mạnh , có tính chuyên nghiệp cao	Hoàng Văn Đồng	Tạp chí Cảnh sát biển Việt Nam, 2020	
190	Sự tiến triển của quan hệ Trung Quốc	Trần Thị Hải Yến	Nghiên cứu Đông Nam Á, 2013	

	với Lào sau Chiến tranh lạnh			
191	Quan hệ kinh tế của Vân Nam (Trung Quốc) với Lào trong thập niên đầu thế kỷ XXI	Trần Thị Hải Yến	Nghiên cứu Đông Nam Á, 2013	
192	Đầu tư của Trung Quốc tại Lào trong giai đoạn hiện nay	Trần Thị Hải Yến	Nghiên cứu Trung Quốc, 2015	
193	Cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ ở Myanmar trong thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI”	Lê Văn Mỹ, Trần Thị Hải Yến	Nghiên cứu Đông Nam Á, 2015	
194	Nhìn lại quan hệ Trung – Nga từ sau cuộc khủng hoảng Ucraina	Vũ Thuy Trang, Trần Thị Hải Yến	Nghiên cứu Trung Quốc, 2017	
195	Di dân mới Trung Quốc đến ba nước Đông Dương từ đầu thế kỉ XXI đến nay	Trần Thị Hải Yến	Nghiên cứu Trung Quốc, 2017	
196	The New Chinese Immigrations in Laos Present-day”	Trần Thị Hải Yến	International Relations and Diplomacy, 2017	

197	Nhìn lại đối ngoại Trung Quốc từ sau Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc và xu hướng thời gian tới	Trần Thị Hải Yến, Hoàng Minh Hồng	Nghiên cứu Trung Quốc, 2019	
198	Chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong nhiệm kỳ thứ hai của Tập Cận Bình	Trần Thị Hải Yến, Đặng Thị Thúy Hà	Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2020	
199	Những mục tiêu chiến lược của Trung Quốc tới năm 2049	Trần Thị Hải Yến	Sự kiện và Nhân vật nước ngoài, 2020	
200	Liên minh kinh tế Á – Âu và FTA ký kết với Việt Nam	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 6, 2015	
201	Ảnh hưởng của Nga đối với tiến trình hội nhập kinh tế trong khuôn khổ của Liên minh kinh tế Á - Âu	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 11, 2015	
202	Đặc điểm của hợp tác văn hóa Nga – ASEAN trong giai đoạn hiện nay	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 1 2015	

203	Lập trường của một số nước về xung đột tại Nagorny-Karabakh	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 5, 2016	
204	Một số đặc điểm về trao đổi thương mại trong khuôn khổ Liên minh kinh tế Á – Âu thời gian vừa qua	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 8, 2016	
205	Quan hệ đối tác đối thoại Nga – ASEAN: 20 năm, một chặng đường hợp tác và phát triển	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Quan hệ quốc phòng, số 36, 2016	
206	Nhìn lại quan hệ Nga – EU kể từ sau khủng hoảng Ucraina và triển vọng	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Nghiên cứu các vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 2, 2017	
207	Nhìn lại quan hệ Nga – Trung từ sau cuộc khủng hoảng Ucraina	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc. Số 5 2017	
208	Изменения международной политической обстановки и их воздействие на Вьетнам	Vũ Thụy Trang	Институт Дальнего Востока РАН. Центр изучения Вьетнама и АСЕАН. Вьетнамские	

			исследования. Выпуск , 2017	
209	Liên minh kinh tế Á – Âu và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc trong không gian hậu Xô Viết	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Quan hệ Quốc phòng, số 39, 2017	
210	Tác động của cuộc khủng hoảng Ukraine đối với các nước thuộc không gian hậu Xô viết	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Khoa học xã hội, số 3 – 2018	
211	Возможности преодоления кризиса в торговле России с Вьетнамом: противоречия, новые риски и шоки (Những cơ hội để vượt qua khủng hoảng trong thương mại của Nga với Việt Nam: những mâu thuẫn, những rủi ro và cú sốc mới)	Vũ Thụy Trang	Юго-восточная Азия: актуальные пробл Том 1, № 2 (39), 2018 (Tạp chí Đông Nam đề phát triển cấp bách, tập 1, số 2 (39), 201	
212	Operation characteristics of newly established enterprises in central highlands in the context of the fourth industrial revolution	Vũ Thụy Trang	Вьетнамские исследования. Серия 2. 2019, № 2 (Tạp chí trong danh mục ISI)	

213	Đặc điểm quan hệ Nga – Azerbaijan trong giai đoạn hiện nay và triển vọng	Vũ Thụy Trang	Tạp chí đối ngoại Số 121+122 (11+12/2019)	
214	Вьетнам и его отношения с Китаем, США и Россией (Việt Nam và các quan hệ với Trung Quốc, Mỹ và Nga)	Vũ Thụy Trang	Юго – восточная Азия: актуальные проблемы развития, 2019, №4(45) 124-134 (Tạp chí Đông Nam Á: những vấn đề phát triển cấp bách, số 4 (45), 2019, trang 124-134)	
215	Hợp tác chiến lược Nga - Ấn Độ trong những năm gần đây: thành tựu và hạn chế	Vũ Thụy Trang	Tạp chí nghiên cứu châu Âu, số 2 (233) 2020	
216	Vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Liên bang Nga giai đoạn hiện nay	Vũ Thụy Trang	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 2 (286), 2020	
217	Nước Nga trong cuộc đấu tranh ngăn chặn thông tin, quan điểm sai trái, thù địch – góc nhìn từ phía Nga và một số gợi mở cho Việt Nam	Vũ Thụy Trang	Tạp chí cộng sản, bản điện tử ngày 03/6/2020	
218	Một số điều chỉnh cơ bản trong chính sách di cư của Liên bang Nga những năm gần đây	Vũ Thụy Trang	Tạp chí nghiên cứu châu Âu, số 4 (235) 2020	

219	Вьетнамо-российские отношения под воздействием корректировки внешней политики России: взгляд из Вьетнама	Vũ Thụy Trang	Российско-вьетнамские отношения сегодня: сферы совпадения интересов. — М.: ИДВ РАН, 2020. — 340-351	
-----	--	---------------	---	--

V. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Là trường Đại học dân lập đầu tiên và lớn nhất tại khu vực miền Trung, Đại học Duy Tân luôn chú trọng phát triển công tác đối ngoại để tranh thủ sự hỗ trợ từ bên ngoài. Trong thời gian qua, nhà trường đã tiến hành các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo theo chiến lược hợp tác quốc tế mà Hội đồng quản trị của Trường đã đề ra.

1. Công tác đối ngoại, xây dựng quan hệ quốc tế

Tranh thủ tiếp nhận sự hỗ trợ từ các cá nhân, các tổ chức giáo dục, các tổ chức phi chính phủ:

a. Tổ chức NMCP (Hà Lan), sau này đổi tên là PUM đã gửi chuyên gia sang giảng dạy tiếng Anh, marketing, quản lý khách sạn cho sinh viên và giảng viên Duy Tân từ năm 1996, 1997, 1998, 1999, và gần đây là năm 2008.

b. Tổ chức Book Aid International gửi tặng thư viện 92 đầu sách tiếng Anh.

c. Tổ chức tình nguyện quốc tế (GVN) và tổ chức tình nguyện châu Á (VIA) đã cử giảng viên sang dạy tiếng Anh, kể từ năm 2002.

d. Trường Singapore Polytechnic giúp huấn luyện giảng viên các khoa Xây dựng, Kiến trúc, hàng năm tiếp nhận khoảng 6 giảng viên và đã gửi tặng một số thiết bị, sách nghiên cứu cho Thư viện, kể từ năm 2006. Ngoài ra, hai trường cũng có chương trình trao đổi sinh viên, theo đó, hàng năm trường Singapore Polytechnic gửi các sinh viên qua Việt Nam, kết hợp với sinh viên Đại Học Duy Tân để thực hiện các hoạt động cộng đồng tại thành phố Đà Nẵng.

e. Mời các giáo sư, tiến sỹ Việt kiều về thăm và hỗ trợ Đại học Duy Tân, đáng chú ý là các GS. Ngô Vĩnh Long (Đại học Maine – Hoa Kỳ), GS.TS Cao Hữu Trí (Đại học San Jose – Hoa Kỳ), TS. Nguyễn Hữu An (Hoa Kỳ), TS. Nguyễn Trường Hải (Hoa Kỳ), GS. Hà Dương Tường (Đại học Công nghệ Compiegne - Pháp), TS. Ngô Viết Nam Sơn (Đại học Washington), KTS. Nguyễn Hữu Thái (Canada)...

f. Giáo sư, tiến sỹ Krasae Chanawongse, nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Thái Lan, đồng ý làm cố vấn cao cấp cho ngành quan hệ quốc tế của Đại học Duy Tân.

2. Tổ chức nhiều đợt tham quan, học tập ở các trường đại học nước ngoài

a. Kể từ năm 1998 Ban Giám hiệu đã sang thăm và tìm hiểu tổ chức của các trường Đại học Trung Quốc.

b. Đã đi thăm và thiết lập mối quan hệ quốc tế với các tổ chức giáo dục Đài Loan, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Malaysia.

c. Đặc biệt, trường xây dựng quan hệ với nhiều trường đại học Mỹ: Trường Carnegie Mellon, Penn State và Carlifornia State.

d. Tổ chức các đoàn giảng viên sang tập huấn tại Trường Carnegie Mellon, Penn State và Carlifornia State.

3. Tổ chức đón tiếp những tổ chức giáo dục quốc tế đến thăm

a. Trường đã ký kết MOU với nhiều trường đại học nước ngoài, trong đó có nhiều trường rất nổi tiếng như Carnegie Mellon, Seattle Pacific (USA), AIT, Phranakhon Rajabhat, Rangsit (Thái), Singapore Polytechnic (Singapore).

b. Thiết lập mối quan hệ với các tổ chức từ thiện quốc tế như dự án đã ký kết MOU với thầy Thích Chân Thiện (Hội Từ thiện Việt Mỹ), dự án giúp đỡ sinh viên nghèo với tổ chức Passerelles Numériques.,...

c. Riêng trong 2 năm 2007, 2008 và nửa đầu năm 2009 số lượng đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với trường lên đến 35 đoàn chủ yếu là các trường đại học từ Thái Lan, Úc, Singapore, Hoa Kỳ.

d. Tổ chức thành công các buổi giao lưu với sinh viên, học sinh quốc tế với sinh viên Duy Tân (Khoa KHXH&NV, Khoa Ngoại ngữ và Viện NC&ĐT Du lịch).

4. Các dự án hợp tác quốc tế đã thực hiện

Năm học 2008 – 2009, Hội đồng Quản trị Trường chủ trương đào tạo chất lượng cao trên cơ sở hợp tác quốc tế về đào tạo với các Trường đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới. Thực hiện chủ trương này của Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu đã triển khai ký kết thoả thuận và hợp tác với một số trường đại học nổi tiếng trên thế giới, cụ thể như sau:

a. Carnegie Mellon University (CMU), U.S.

Kể từ năm học 2008-2009, Đại học Duy Tân đã triển khai các chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin và Kỹ thuật mạng với giáo trình của CMU, là đại học nổi tiếng nhất trong lĩnh vực này (theo U.S. News 2007-2008). Đây là kết quả đàm phán giữa CMU và SEG VietNam (Software Engineering Group) mà Duy Tân là 1 thành viên.

Sinh viên tham gia vào 2 chương trình này sẽ có điều kiện tiếp cận với những kiến thức và phương pháp IT tân tiến nhất. Carnegie Mellon University, sẽ cấp chứng

chỉ cho 23 môn học trong chương trình này. Hơn nữa, sinh viên có thể chuyển trực tiếp đến học tại Seattle University hay theo học Thạc sỹ tại Carnegie Mellon University sau khi tốt nghiệp ở Việt Nam.

Bên cạnh việc chuyển giao giáo trình, Carnegie Mellon còn giúp huấn luyện hơn 100 giảng viên Việt Nam trong khoảng thời gian 4 năm, bắt đầu từ năm 2008. Hiện nay có 363 sinh viên (9 lớp đại học & 3 lớp cao đẳng) đang theo học chương trình này.

b. Seattle Pacific University (SPU), U.S.

Trong học kỳ 2 của năm học 2007-2008, Duy Tân đã tiếp nhận các giáo trình về Quản trị kinh doanh, Kế toán – Ngân hàng của Seattle Pacific University, là trường được xếp thứ 15 trong các trường đào tạo Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh, và có chương trình MBA được xếp thứ 5 trong các trường ở Bờ Tây Hoa Kỳ (U.S. News 2007-2008). Các giảng viên của Seattle Pacific University đến dạy một số môn thuộc ngành Quản trị Kinh doanh do Đại học Duy Tân đề nghị và SPU sẽ cấp chứng chỉ cho sinh viên hoàn thành các môn học này.

c. Penn State University (PSU), U.S.

Kể từ năm học 2009 – 2010, Đại học Duy Tân đã triển khai các chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh, Kế toán và Ngân hàng với giáo trình của PSU, là 1 trong 5 hệ thống đại học công lớn nhất nước Mỹ. Sinh viên tham gia chương trình PSU sẽ được nhận từ 18 đến 24 chứng chỉ hoàn tất môn học của Đại học Bang Pennsylvania. Những chứng chỉ hoàn tất môn học này có giá trị quốc tế. Các sinh viên Duy Tân có nguyện vọng chuyển tiếp sang học Đại học Bang Pennsylvania có thể sử dụng những chứng chỉ hoàn tất môn học này. Ngoài ra, theo thỏa thuận hợp tác giữa Penn State và Duy Tân, Penn State sẽ chuyển giao đầy đủ tài liệu giáo trình của 24 môn học cao cấp trong các chương trình gốc về Quản trị Kinh doanh và Kế toán của Penn State cho Đại học Duy Tân. Đồng thời, Penn State sẽ giúp huấn luyện hơn 100 giảng viên của Duy Tân giảng dạy 24 môn học kể trên. Hơn nữa, nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy của các giảng viên Duy Tân đã qua huấn luyện, mỗi học kỳ, Penn State sẽ gửi 2 đến 3 giảng viên sang hỗ trợ và kiểm soát chất lượng giảng dạy ở Duy Tân. Những giảng viên này của Penn State sẽ trực tiếp tham gia giảng dạy một số lớp học trong chương trình PSU của Duy Tân trong học kỳ đó. Hiện nay có 794 sinh viên (9 lớp đại học & 4 lớp cao đẳng) đang theo học chương trình này.

d. California State University (CSU), U.S.

Trong học kỳ 1 của năm học 2010-2011, Duy Tân tiếp tục mở rộng liên kết đào tạo với California State University – Fullerton, là Đại học vùng hàng đầu, xếp thứ 37 ở bờ Tây Hoa Kỳ (theo U.S News). Trong khuôn khổ hợp tác đào tạo này, Duy Tân đã tiếp nhận các giáo trình về Kiến trúc – Xây dựng. Đồng thời, California State University sẽ tập huấn cho các giảng viên Việt Nam và gửi giảng viên đến dạy một số môn thuộc ngành Kiến trúc-Xây dựng tại Đại học Duy Tân và cấp chứng chỉ cho sinh viên Duy Tân hoàn thành các môn học này.

Trong học kỳ 1 của năm học 2011-2012, Duy Tân đã tuyển sinh và mở khóa đầu tiên với 98 sinh viên cho cả 2 ngành Kiến trúc và Xây dựng.

e. Trường Cao đẳng Cộng đồng hạt Lorain

Năm học 2011 – 2012, Đại học Duy Tân đã ký kết thỏa thuận với trường Cao đẳng Cộng đồng Hạt Lorain (LCCC), bang Ohio về việc chuyển tiếp sinh viên theo chương trình LCCC 1+1+2. Chương trình đào tạo 4 năm, trong đó sinh viên học 1 năm đầu tiên tại Đại Học Duy Tân, năm thứ 2 tại LCCC và nhận bằng Cử nhân Cao đẳng tại LCCC. Sau đó, sinh viên có thể học liên thông đại học (2 năm) với các trường đối tác của LCCC ở Hoa Kỳ: Ohio State University, Kent State University, Toledo University, Cleveland State University... và nhận bằng Cử nhân Đại Học.

5. Các dự án hợp tác quốc tế hiện đang triển khai

a. National Institute of Information Technology (NIIT), India:

Được thành lập năm 1981 ở Ấn độ, NIIT đang được xếp vào 20 học viện đào tạo IT hàng đầu trên thế giới (IDG 2004). Kể từ 2005, Duy Tân được nhượng quyền mở trung tâm NIIT đầu tiên tại Đà Nẵng, cấp bằng diploma cho 2 ngành học: Công nghệ phần mềm và Kỹ thuật mạng.

b. Open University (OU), U.K.:

Từ mối quan hệ giữa Duy Tân và NIIT, Open University của Anh, vốn là 1 đối tác của NIIT đã cho phép Duy Tân được độc quyền triển khai chương trình đào tạo cử nhân về Khoa học Máy tính tại Miền Trung Việt nam, kể từ 2008-2009 và do OU cấp bằng tốt nghiệp. Theo nghiên cứu của Anh trong 2 năm 2005, 2006 thì OU được xếp hàng đầu trong việc đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên tại Anh. Hiện chương trình đang xúc tiến chuẩn bị thủ tục để xin phép Bộ.

c. Association of Chartered Certified Accountants (ACCA), U.K.:

Duy Tân đã ký kết với ACCA để trở thành đại diện duy nhất của ACCA tại miền Trung Việt Nam. Trong năm học đến, Duy Tân dự tính thành lập trung tâm khảo thí đầu tiên cho ACCA tại miền Trung.

d. Singapore Polytechnic, Singapore

Singapore Polytechnic, là 1 trong 3 trường kỹ thuật lớn nhất của Singapore đã nhiều năm hỗ trợ Duy Tân trong việc phát triển các phòng thí nghiệm, và giúp huấn luyện về tiếng Anh cho các giảng viên khoa Xây dựng và Kiến trúc. Với Singapore Polytechnic, Duy Tân tiếp tục các chương trình trao đổi giảng viên và giao lưu sinh viên.

e. Các trường khác

Một số dự án liên quan đến việc mở rộng liên kết và đào tạo ngành Quan hệ quốc tế hay Quốc tế học cũng đang được Nhà trường quan tâm xúc tiến, bao gồm các chương trình trao đổi với các đại học San Jose State University, Fresno Pacific University, Cleveland State University (Hoa Kỳ), Nanyang Technology University (Singapore), Rangsit University, College of Asian Scholars (Thái Lan), v.v...

Hiện Trường Đại học Duy Tân đã mở rộng hợp tác đào tạo với các trường có uy tín về nhóm ngành KHXH&NV, trong đó có ngành Quan hệ quốc tế mà Trường đang đào tạo

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Tên ngành đăng kí đào tạo: **Quan hệ quốc tế**

Mã ngành đào tạo: **931.02.06**

Tên chương trình đào tạo: **Quan hệ quốc tế**

Trình độ đào tạo: **Tiến sĩ**

1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế dựa trên những văn bản sau đây:

- Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Điều lệ trường đại học;

- Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

- Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ;

- Căn cứ Quyết định số 7655/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận Quyền Hiệu trưởng trường Đại học Duy Tân;

- Căn cứ Quyết định số 7534/QĐ-UBND ngày 10/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Trường Đại học Duy Tân;

- Căn cứ Quyết định số 83/TTg ngày 16/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Sau đại học.

1.3. Tóm tắt về chương trình đào tạo

1.3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- **Mục tiêu chung:** Đào tạo chuyên gia về Quan hệ quốc tế, có kiến thức và phương pháp chuyên sâu về Quan hệ quốc tế, có tư duy lý luận quan hệ quốc tế hiện đại và cập nhật, có năng lực nghiên cứu độc lập và tổ chức nghiên cứu, có năng lực hoạt động tốt trong lĩnh vực đối ngoại phù hợp với yêu cầu của đất nước.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Cung cấp kiến thức hệ thống và chuyên sâu về lý luận quan hệ quốc tế và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, nâng cao khả năng vận dụng lý luận và phương pháp vào thực tiễn công tác đối ngoại một cách độc lập, sáng tạo.

+ Cung cấp kiến thức hệ thống và chuyên sâu về xu hướng phát triển và những vấn đề cơ bản của quan hệ quốc tế thế giới cũng như các khu vực, nâng cao trình độ hiểu biết, kỹ năng nghiên cứu các vấn đề quốc tế, nâng cao khả năng phân tích và dự báo các vấn đề quan hệ quốc tế.

+ Cung cấp kiến thức hệ thống và chuyên sâu về đường lối đối ngoại của Cách mạng Việt Nam, nâng cao bản lĩnh chính trị vững vàng và trình độ chuyên môn cao, đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế.

+ Có thể phát huy năng lực trong các lĩnh vực công tác về quan hệ quốc tế thuộc các cơ quan, tổ chức của đất nước cũng như quốc tế...

1.3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

a. Yêu cầu về thái độ

– Có thái độ khách quan, khoa học, trung thực, có năng lực và phương pháp đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, mục tiêu lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

– Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân; ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh;

– Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một cán bộ đối ngoại, có bản lĩnh nghề nghiệp, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội;

- Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học.

b. Yêu cầu về ngoại ngữ

Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các vấn đề cụ thể và trù tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Có thể giao tiếp, trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ ở mức độ trôi chảy, thành thạo với người bản ngữ;

- Trường hợp NCS là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 3 (B1) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

d. Về kiến thức

- Được trang bị hệ thống kiến thức chuyên sâu về lý luận quan hệ quốc tế và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, nâng cao khả năng vận dụng lý luận và phương pháp vào thực tiễn công tác đối ngoại một cách độc lập, sáng tạo.

- Được nâng cao trình độ hiểu biết, kỹ năng nghiên cứu, phân tích sâu sắc tình hình thế giới và khu vực, các vấn đề quốc tế, chính sách đối ngoại của các quốc gia, dự báo các vấn đề phát sinh trong quan hệ quốc tế.

- Hiểu biết sâu sắc đường lối đối ngoại của Cách mạng Việt Nam, nâng cao bản lĩnh chính trị vững vàng và trình độ chuyên môn cao, đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế.

- Phát huy năng lực trong nghiên cứu cũng như chuyên môn trong các cơ quan, tổ chức làm công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế cũng như các tổ chức quốc tế.

e. Về kỹ năng

*** *Kỹ năng nghề nghiệp***

- Có khả năng tham gia giảng dạy trong lĩnh vực quan hệ quốc tế
- Có khả năng nghiên cứu và làm việc một cách chủ động và độc lập
- Có khả năng phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Có khả năng tổ chức nghiên cứu và xây dựng kế hoạch làm việc
- Có khả năng nắm bắt, cập nhật, tập hợp, thu thập và xử lý thông tin một cách khoa học trong các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo
- Có khả năng tư duy logic, tư duy hệ thống, tư duy liên ngành và đa ngành
- Có tư duy phê phán

- Có kỹ năng phân tích sâu các vấn đề liên quan đến quan hệ quốc tế và quan hệ đối ngoại của Việt Nam

- Có khả năng vận dụng kiến thức vào nghiên cứu và trong công việc một cách chủ động, linh hoạt và khoa học

- Có kỹ năng thuyết trình và tranh luận khoa học

*** Kỹ năng bổ trợ**

- Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tương đương chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu (đối với tiếng Anh: tương đương 6,5 IELTS hoặc 600 TOEFL)

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành trong đọc tài liệu và trình bày vấn đề

1.3.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và luận án

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **90 tín chỉ**, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: **20 tín chỉ**

+ Các học phần tiến sĩ

• Bắt buộc: 9 tín chỉ

• Tự chọn: 3/18 tín chỉ

+ Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo nhưng không tính số tín chỉ)

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo nhưng không tính số tín chỉ)

- Luận án Tiến sĩ: **70 tín chỉ**

II. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

2.1.1. Phương án tuyển sinh đào tạo

- Môn thi tuyển sinh:

- Môn thi Cơ bản: *Lịch sử Quan hệ quốc tế*
- Môn thi Cơ sở: *Quan hệ đối ngoại Việt Nam từ năm 1945 đến nay*
- Môn Ngoại ngữ: *Tiếng Anh*

2.1.2. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo chuyên ngành tiến sĩ ngành Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Duy Tân phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

- a. Lí lịch bản thân rõ ràng
- b. Có đủ sức khỏe để học tập.
- c. Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng (Quốc tế học, Quan hệ quốc tế) từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng, ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc ngành/chuyên ngành gần với ngành/chuyên ngành Quốc tế học, Quan hệ quốc tế.
- d. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.
- e. Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận. Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.
- f. Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu

biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

g. Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về: Phẩm chất, đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

h. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được Đại học Duy Tân phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng kí dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ phù hợp với ngôn ngữ yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngôn ngữ yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Trong các trường hợp trên, nếu không phải là tiếng Anh thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này.

i. Người dự tuyển là người nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

k. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Nhà trường.

2.1.3. Danh mục các ngành đúng, ngành gần với ngành Quan hệ quốc tế

- **Chuyên ngành đúng và phù hợp:** Quốc tế học, Quan hệ quốc tế

- **Chuyên ngành gần:** Lịch sử Thế giới, Kinh tế quốc tế, Kinh tế đối ngoại, Luật quốc tế, Chính trị quốc tế, Châu Á học, Đông Phương học, Châu Âu học, Châu Mỹ học, Truyền thông/Thông tin đối ngoại, Ngoại giao, Ngôn ngữ nước ngoài, An ninh, Quốc phòng..v..v..

2.1.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Danh mục các học phần bổ sung kiến thức cho các đối tượng dự thi ngành gần

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
1	Lịch sử Quan hệ quốc tế	3
2	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	3
3	Quan hệ quốc tế châu Á – Thái Bình Dương	3
Tổng cộng		9

2.2. Kế hoạch đào tạo

2.2.1. Thời gian đào tạo toàn khóa học:

Chương trình Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế được đào tạo theo tín chỉ. Do đối tượng Nghiên cứu sinh phần lớn đang làm việc tại các doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Đà Nẵng và miền Trung, các cơ quan Nhà nước, cơ quan nghiên cứu, các cơ sở đào tạo đại học, các cơ quan hoạch định chính sách và quản lý kinh tế, các tổ chức quốc tế, vì vậy Trường Đại học Duy Tân chọn hình thức đào tạo học tập trung thời gian là 03 năm, không tập trung thời gian là 05 năm. Các lớp học được tổ chức vào các buổi tối cho phù hợp với đối tượng người học. Tuy nhiên, nếu số lượng Nghiên cứu sinh đăng ký học ban ngày đủ để tổ chức lớp học, nhà trường sẽ bố trí cả lớp học vào ban ngày.

2.2.2. Khung kế hoạch đào tạo từng năm, kì theo chương trình chuẩn

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy		
			Tên giảng viên thực hiện	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
I. Khối kiến thức chung					
1	Triết học	4	Khoa Lí luận Chính trị	Triết học	Đại học Duy Tân
2	Ngôn ngữ cơ bản	6	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đại học Duy Tân
3	Tiếng Anh học thuật	3	Khoa tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh	Đại học Duy Tân
II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành					
4	Lý thuyết quan hệ quốc tế	4	PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ GS.TS Hoàng Khắc Nam	Lịch sử Thế giới Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
5	Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh	3	TS Nguyễn Thanh Sinh PGS.TS Nguyễn Thị Quế	Quan hệ Quốc tế Quan hệ quốc tế	Đại học Duy Tân Học viện CT-HCQGHCM
6	Quan hệ đối ngoại của VN trong	3	PGS. TS Hoàng Thị Minh Hoa	Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân

	thời kỳ Đổi mới		TS Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Lịch sử Thế giới	Đại học Quốc gia Hà Nội
7	Kinh tế chính trị quốc tế	3	PGS.TS Hoàng Văn Đồng TS Nguyễn Tuấn Việt	Chính trị học Quan hệ quốc tế	Đại học Duy Tân Học viện Ngoại giao
8	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế nâng cao	3	TS Trần Xuân Hiệp TS Lê Lêna	Lịch sử Thế giới Quốc tế học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
9	Chính trị học so sánh	3	PGS.TS Nguyễn Hữu Cát TS Trần Điệp Thành	Chính trị học Chính trị học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
10	Hệ thống quốc tế qua các thời kỳ lịch sử	3	TS Vũ Thụy Trang PGS.TS Văn Ngọc Thành	Lịch sử QHQT Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Đại học Sư phạm Hà Nội
11	Toàn cầu hóa và những tác động của nó	3	TS Vũ Thụy Trang PGS.TS Bùi Thành Nam	Nghiên cứu QT Kinh tế quốc tế	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
12	Quan hệ kinh tế quốc tế sau chiến tranh lạnh	3	TS Trần Thị Bảo Hương PGS.TS Bùi Thành Nam	Ngoại giao Kinh tế quốc tế	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội

13	Luật quốc tế: những vấn đề sau chiến tranh lạnh	3	TS Phan Thị Nhật Tài TS Vũ Thị Anh Thu	Luật học Quốc tế học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
14	Văn hoá trong quan hệ quốc tế	3	TS Hoàng Thị Hương TS Nguyễn Thu Hằng	Ngữ văn Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
15	An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế	3	TS Trần Thị Hải Yến GS.TS Hoàng Khắc Nam	Quan hệ Quốc tế Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
16	Địa chính trị	3	TS Võ Hữu Hòa TS Trần Điệp Thành	Địa lý Chính trị học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
17	Sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI	3	TS Trần Xuân Hiệp TS Nguyễn Xuân Cường	Lịch sử Thế giới Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
18	Chính sách đối ngoại của Mỹ sau 11.9.2001	3	TS Trần Thị Hải Yến TS Phạm Thị Thu Huyền	Quan hệ Quốc tế Chính trị học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
19	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh	3	TS Trần Xuân Hiệp	Lịch sử thế giới	Đại học Duy Tân

			TS Lê Lêna	Quốc tế học	Đại học Quốc gia Hà Nội
20	Hợp tác quốc tế giữa các nước đang phát triển	3	TS Bùi Kim Luận TS Ngô Tuấn Thắng	Quốc tế học Quốc tế học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
21	Văn minh thông tin và kinh tế tri thức	3	GS Vũ Dương Ninh PGS.TS Hoàng Anh Tuấn	Lịch sử Thế giới Lịch sử Thế giới	Đại học Quốc gia Hà Nội Đại học Quốc gia Hà Nội
IV. Các học phần tiến sĩ					
22	Phương pháp luận Quan hệ quốc tế	3	TS Bùi Kim Luận TS Hoàng Khắc Nam	Quốc tế học Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
23	Chủ nghĩa khu vực: Lý luận và Thực tiễn	3	PGS. TS Hoàng Văn Đông PGS.TS Trần Khánh	Đại học Duy Tân	Đại học Duy Tân
24	Lý thuyết Kinh tế chính trị quốc tế	3	TS Phan Thị Nhật Tài TS Nguyễn Thị Thùy Trang	Luật quốc tế Quốc tế học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
25	Cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối đối ngoại Việt Nam	3	TS Nguyễn Thanh Sinh	Quan hệ Quốc tế	Đại học Duy Tân

			PGS.TS Vũ Quang Hiến	Lịch sử ĐảngCSVN	Đại học Quốc gia Hà Nội
26	So sánh chính sách đối ngoại của các cường quốc	3	PGS.TS Nguyễn Hữu Cát PGS.TS Trần Thiện Thanh	Chính trị quốc tế Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
27	Xu hướng và vấn đề trong QHQT ở Châu Á-Thái Bình Dương	3	TS Trần Thị Bảo Hương PGS.TS Vũ Văn Hà	Ngoại giao Kinh tế quốc tế	Đại học Duy Tân Tạp chí Cộng sản
28	Xu hướng và vấn đề trong QHQT ở Châu Âu	3	TS Vũ Thụy Trang PGS.TS Đinh Công Tuấn	Quan hệ Quốc tế Lịch sử Thế giới	Đại học Duy Tân Viện Nghiên cứu Châu Âu
29	Xu hướng và vấn đề trong QHQT ở Châu Mỹ	3	TS Trần Thị Hải Yến PGS.TS Nguyễn T.Thanh Thủy	Quan hệ Quốc tế Chính trị học	Đại học Duy Tân Đại học Quốc gia Hà Nội
30	Miền Trung Việt Nam: Hội nhập quốc tế và triển vọng	3	TS. Trần Xuân Hệp TS Nguyễn Đình Thuận	Lịch sử Thế giới Chính trị học	Đại học Duy Tân Trường Chính trị Đà Nẵng

2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

- **Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên:** Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và tăng quy mô tuyển sinh, trường Đại học Duy Tân đã quyết định cử nhiều giảng viên đi học Nghiên cứu sinh tại các trường, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Hiện trường có 04 Nghiên cứu sinh đang theo học ngành Quan hệ quốc tế, bao gồm:

Số TT	Họ và tên, năm sinh, công việc hiện tại	Năm trúng tuyển	Chuyên ngành	Cơ sở đào tạo
1	Trần Như Bắc Năm sinh: 1989 Chức vụ: Giảng viên	2019	Quan hệ quốc tế	Đại học Vân Nam, Trung Quốc
2	Nguyễn Đăng Hựu Năm sinh: 1983 Chức vụ: Giảng viên	2019	Nhân học	Đại học Dong-A Hàn Quốc
3	Hoàng Thị Mỹ Linh Năm sinh: 1990 Chức vụ: Giảng viên	2019	Quan hệ quốc tế	Đại học KHXH&NV Hà Nội
4	Nguyễn Thị Duyên Hải Năm sinh: 1992 Chức vụ: Giảng viên	2019	Quan hệ quốc tế	Đại học Nhân dân Bắc Kinh Trung Quốc

- **Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất:** Cơ sở vật chất của Trường luôn nhận được sự quan tâm đầu tư của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Giám hiệu (BGH). Hiện tại, Trường đang tổ chức thiết kế và thi công 03 công trình trọng điểm: Tòa nhà 20 tầng tại số 03 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng; Tòa nhà đa công năng 7 tầng tại Khu 3,5ha Hòa Khánh, TP.Đà Nẵng; Quy hoạch và xây dựng các công trình cơ bản tại Khu 30ha vừa được UBND TP.Đà Nẵng cấp quyền sử dụng... Ngoài ra, để hiện đại hóa công tác quản lý và đào tạo theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập, HĐQT và BGH đã tăng cường mua sắm thêm các thiết bị vật tư mới, trang bị các phòng lab hiện đại phục vụ cho nhu cầu học tập thường xuyên của người học. Trường Đại học Duy Tân thường xuyên và liên tục bổ sung, tăng cường thêm các điều kiện về cơ sở vật chất nhằm mang lại một môi trường học tập tốt nhất cho học viên, sinh viên. Sau 26 năm hình thành và phát triển, Trường được xã hội và người học đánh

giá là một trong những trường có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, tốt nhất tại khu vực miền Trung và cả nước.

- Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo: Nhận biết được vai trò của hợp tác quốc tế đối với sự phát triển của nhà trường, vì vậy HĐQT và BGH đã có sự quan tâm và đầu tư đúng mức nhằm tăng cường khả năng hội nhập với khu vực và thế giới. Kể từ năm 1998 Ban Giám hiệu đã sang thăm và tìm hiểu tổ chức của các trường Đại học Trung Quốc và thiết lập mối quan hệ quốc tế với các tổ chức giáo dục Đài Loan, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Malaysia. Đặc biệt, trường xây dựng quan hệ với nhiều trường đại học Mỹ: Trường Carnegie Mellon, Penn State và Carlifornia State. Tổ chức các đoàn giảng viên sang tập huấn tại Trường Carnegie Mellon, Penn State và Carlifornia State. Trường đã ký kết MOU với nhiều trường đại học nước ngoài, trong đó có nhiều trường rất nổi tiếng như Carnegie Mellon, Seattle Pacific (USA), AIT, Phranakhon Rajabhat, Rangsit (Thái), Singapore Polytechnic (Singapore). Thiết lập mối quan hệ với các tổ chức từ thiện quốc tế như dự án đã ký kết MOU với thầy Thích Chân Thiện (Hội Từ thiện Việt Mỹ), dự án giúp đỡ sinh viên nghèo với tổ chức Passerelles Numériques,... Riêng trong 2 năm 2015, 2016 và nửa đầu năm 2017 số lượng đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với trường có hơn 50 đoàn chủ yếu là các trường đại học từ Thái Lan, Úc, Singapore, Hoa Kỳ.

Để tăng cường sức mạnh hội nhập quốc tế, phát triển thương hiệu, trường Đại học Duy Tân đã ký hợp tác đào tạo du học tại chỗ với trường Đại học Troy, trường Đại học Keuka,... Hiện trường đã tiếp nhận nhiều sinh viên đến từ các nước Thụy Sĩ, Hoa Kỳ, Đài Loan, Lào... đến học chuyên ngành, học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. Trường cũng đã tổ chức nhiều Hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia với hàng trăm lượt chuyên gia, các nhà nghiên cứu hàng đầu có uy tín đến chia sẻ giao lưu, trao đổi học thuật với học viên và sinh viên toàn trường.

Trong thời gian sắp đến, trường sẽ tổ chức nhiều hoạt động về hợp tác quốc tế, mở rộng trao đổi giảng viên, sinh viên, tham gia giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo... Bên cạnh đó, trường sẽ tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường nâng cao chuyên môn, học thuật của đội ngũ giảng viên và sinh viên.

- Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp: Với phương châm “Tất cả vì quyền lợi học tập và việc làm của người học”, trường Đại học Duy Tân luôn tiên phong trong công tác phối hợp đào tạo và giới thiệu việc làm cho

sinh viên, học viên toàn trường. Hiện tại, trường đã thành lập Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ, chuyên trách việc lập kế hoạch và tham mưu cho HĐQT & BGH về quá trình phát triển quan hệ doanh nghiệp. Trường cũng đã phối hợp với nhiều đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các chương trình giao lưu, ký kết hợp tác đào tạo với Nhà trường. Hàng năm, nhà trường tổ chức Hội chợ việc làm thu hút hàng ngàn người quan tâm, đã có nhiều sinh viên tìm được việc làm sau khi tham gia hội chợ việc làm. Bên cạnh đó, các đơn vị trong toàn trường, đặc biệt là các Khoa, phòng ban liên quan cũng đã xây dựng kế hoạch theo tháng, theo quý nhằm tăng cường khả năng quan hệ doanh nghiệp nhằm đưa học viên, sinh viên đi thực tập, thực tế, phối hợp đào tạo và NCKH. Theo quy định của BGH, mỗi giảng viên trường Đại học Duy Tân phải tham gia làm việc và học tập, thực hành thực tế tại doanh nghiệp 10 ngày/năm; phải có quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp; chấm điểm thi đua và khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác quan hệ doanh nghiệp.

Trong thời gian tới, HĐQT & BGH đã xây dựng kế hoạch cụ thể về việc khảo sát, cung cấp thông tin về hoạt động quan hệ doanh nghiệp. BGH đã chỉ đạo trực tiếp cho các đơn vị trong toàn trường lập kế hoạch cụ thể với doanh nghiệp trong đào tạo, chuyển giao công nghệ, yêu cầu các Khoa xây dựng đề án năng lực để chào hàng với các doanh nghiệp trong NCKH, đào tạo và thiết lập mối quan hệ chặt chẽ lâu dài. Nhà trường luôn xác định việc làm của người học sau tốt nghiệp là mấu chốt để nâng cao uy tín của nhà trường, do đó HĐQT & BGH thường xuyên đôn đốc, quan tâm hết sức đến mảng hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp.

- **Mức học phí/ người học/ năm học, khóa học:** Trường Đại học Duy Tân tổ chức thu học phí theo quy định của HĐQT & BGH, mức học phí này tương xứng với việc tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người học.

PHỤ LỤC

CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

- 1. Chương trình đào tạo**
- 2. Phiếu tự đánh giá điều kiện mở ngành**
- 3. Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo**
- 4. Hồ sơ thẩm định chương trình đào tạo cấp cơ sở**
- 5. Hồ sơ minh chứng các công trình khoa học & nhân sự
đứng ngành**